

15 - 3 - 68 VÀ 1 - 4 - 1968

BÁCH KHOA

T H Ờ I - Đ A I

năm mười hai

DUY kinh tế sau cơn biển loạn * ĐOÀN NHẬT TẤN
một học chế thời chiến cho quốc-gia * NGUYỄN-
PHƯƠNG * vấn đề lịch-sử * NGUYỄN VĂN TRUNG
Sartre, con người của một tạp-chí * NGUYỄN TRỌNG
VĂN vài chuyên hướng của Điện ảnh Tây-phương hiện
nay * VÕ PHIẾN kẻ ác người thiện * NGUYỄN HIẾN
LÊ vài nét chính của văn học Trung quốc hiện tại
* TRẦN THÁI ĐÌNH quan niệm cơ cấu trong các
khoa-học-nhân văn * VÕ HỒNG gió cuốn * MINH
QUÂN chạy giữa mùa Xuân BÁCH KHOA THỜI ĐAI
đọc sách giúp bạn * TỪ TRÌ thế
giới trong những tuần qua *
TRÀNG THIÊN thời sự văn-nghệ

269.270



SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

269-270 15-3 và 1-4-1968

DUY kinh-tế sau cơn biến loạn	3
ĐOÀN NHẬT TẤN một học-chế thời chiến cho quốc-gia	7
NGUYỄN PHƯƠNG vấn-đề lịch-sử	13
NGUYỄN VĂN TRUNG Sartre con người của một tạp-chí	17
NGUYỄN TRỌNG VĂN vài chuyên-hướng của điện - ảnh Tây - phương hiện nay.	35
VÕ PHẾN kẻ ác người thiện	41
NGUYỄN HIỂN LÊ vài nét chính của Văn-học Trung-quốc hiện tại.	45
TRẦN THÁI ĐÌNH quan-niệm cơ-cấu trong các khoa-học nhân-văn.	52
MỘNG TRUNG những chuyến đi (nhạc Việt xứ người)	56
VÕ HỒNG gió cuốn (truyện dài)	61
MINH QUÂN chạy giữa mùa xuân (hồi ký)	65
BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI đọc sách giúp bạn: Người về đầu non (Võ-Hồng); Phá núi (Lê-tất-Điều); Nước non Bình-Định (Quách-Tấn)	71
TỪ TRÌ thế giới trong những tuần qua	76
TRÀNG THIÊN thời sự văn nghệ	80

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
 Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
 Điện-thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

CÁO LỖI

Như chúng tôi đã trình bày từ số trước, do biến cố Tết Mậu-Thân nên số Tân-Niên 267-268 ra quá trễ, tuy ghi là 1-3-68 mà tới 12-3-68 mới phát hành được. Bởi vậy số kế tiếp không thể ra kịp vào ngày 15-3-68 và bố buộc chúng tôi lại phải in số 15-3 và 1-4 làm một (số 269-270), vậy xin cáo lỗi cùng quý bạn đọc và mong quý bạn thông-cảm cho.

Số 271 tới đây và các số tiếp theo sẽ ra đều đặn đúng kỳ hạn vào các ngày 15 và 1 mỗi tháng như cũ.

Tòa-soạn BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

HỘP THƯ

— Ô. Hoàng-Thao (Saigon). Chúng tôi lỡ đề thất lạc mất địa-chỉ của ông nên không gửi thư riêng được. Vậy trân trọng xin ông cho Tòa-soạn biết địa-chỉ hiện tại để tiện liên-lạc.

— Ô. Nguyễn-Trần Lưu-Phương (Nhatrang). Đã nhận được thư và xin thành thật chia buồn cùng anh về Sóng 6-7. Sẽ hoàn lại anh cái anh nói trong thư nếu có dịp. Chúc các anh may mắn trong mọi công việc.

— Ô. Nguyễn-hữu Minh-Quân (Nhatrang). Ba điểm nêu lên trong bài thi: «Kiểm-đuyệt» rồi đây chắc sẽ được bãi bỏ, còn «bông giấy không trợ cấp» vẫn được cấp phát và sự hủy bỏ «bông giấy có trợ cấp» không ảnh-hưởng gì đến các báo định-kỳ cả.

— Ô. Phan-nhự-Thức (Huế). Xin cho biết tin của anh. Mong rằng vẫn được bình an.

— Ô. Trần-huyền-Ân (Tuy-Hòa). Đã nhận được thêm 2 bài thơ và rất cảm ơn anh.

— Cùng các bạn gửi thư hỏi thăm tin tức về các anh em đã cộng-tác với Bách-Khoa, sau biến cố đầu năm. Xin trân trọng cảm ơn quý bạn về những

lời thăm hỏi chân thành và xin trả lời chung là: Các bạn: Lê văn Siêu, Trần-Thái-Đỉnh Nguyễn Phương, Nguyễn hiền Lê, Nguyễn văn Trung, Vũ đình-Lưu, Phạm trọng Nhân, Nguyễn ngọc-Lan, Y-Uyên, Từ Tri, Ngọc Vân, Việt-Phương, Trảng-Thiên, Duy... đều bình yên mạnh khỏe. Riêng ô. Cung-Giữ-Nguyên tuy không bị nạn trong cuộc giao tranh đầu năm ở Nhatrang nhưng lại bị ám sát và chết hụt trước Tết vài tuần. Trần-quí-Sách tức Trần-hoài-Thư bị thương phải nằm quân-y từ mồng một Tết. Nhà thơ Đỗ-Tấn, Hồ-minh-Dũng ở Huế gia đình bình an nhưng nhà cửa tan tành. Nhà văn Phan-Du, ở Huế, cùng gia đình kẹt ở giữa nơi giao tranh, «suốt trong 25 ngày biến cố, sinh mệnh chỉ cách cái chết có một sợi tóc» nhưng sau an toàn cả, chỉ mất hết đồ đạc.

SÁCH BÁO MỚI

Tạp chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây:

— Người đá tập truyện của Lê-tất-Điều do Đông Phương xuất bản và tác gửi tặng. Sách dày 122 trang gồm 6 truyện: Ngày khai trường; Ván cờ; Người đàn ông và năm đứa con, Đoạn đường còn lại, Một phần sáu mươi, Người đá. Giá 60đ.

Kinh-tế sau cơn biến-loạn

Cơn biến-loạn Mậu-Thân đến như cuồng-phong bão-táp, trái với tất cả quy-luật phát-triển của chiến-tranh du-kích và ngay cả đến các lý-thuyết-gia trứ-danh, quốc-tế cũng như quốc-nội, thấy đều kinh-ngạc.

Người thì kêu «biết trước rồi», kẻ thì bảo «mẹo dụ địch» chung quy, đau khổ nhất vẫn là khối nhân dân đông đảo. Trước hết là 700.000 đồng bào nạn nhân trực tiếp, cửa mất, nhà tan, gia đình phân tán. Rồi đến toàn thể nhân dân đô-thị trước viễn ảnh kinh-tế tối đen, mặc dầu áp-lực quân sự đã giảm bớt rất nhiều. Sau hết là đồng bào nông thôn, không tiêu thụ được khối sản lượng khổng lồ về nông phẩm, trái cây, rau cỏ, gà vịt, thóc gạo v.v...

Tình-hình còn trầm-trọng, vì việc bầu cử Tổng-thống bên Huê-Kỳ chưa ngã ngũ, địch vẫn còn có thể dùng những phương sách nguy hiểm táo bạo để áp đảo dư luận Quốc-tế và nhất là dư luận Mỹ. Ít ra cuộc chiến Việt-Nam đã thành cuộc chiến nổi tiếng nhất thế-giới, và từ 6 giờ chiều trong lúc trà dư tửu hậu nhân dân Thế-giới đều vắn một nút Ti-vi để thương vay khóc mượn cho cảnh tàn sát, thiêu hủy những mái nhà êm ấm của nhân dân vô tội Việt-nam.

Không kể những kẻ lo sợ ung độc Việt-nam sẽ đem đến Thế-chiến làm tan nát toàn thể nhân loại, ngay những người thực tâm thương chúng ta, vẫn chỉ

là thương qua ống kính. Những người thực sự đau đớn chịu đựng vẫn là nhân dân đông đảo Việt-nam, đêm đêm nằm nghe súng động ầm ầm như sấm sét, mà cảm thấy thể lương trống rỗng. Ngày mai sẽ ra sao? Làm thế nào để bảo vệ đời sống vật chất cho đàn con nhỏ? Có người dân Việt-Nam nào mà không phải tư lự, không vắt tay lên trán?

Chúng ta vẫn tin tưởng rằng, khi địch không nắm được ưu-thế tuyệt-đối về quân sự, thì địch chưa tiến tới giai đoạn thứ ba và cũng là giai đoạn chót của thể du-kích-chiến, nghĩa là dàn mặt trận, đánh trận địa-chiến và chiếm đất. Bởi vậy, đầu năm 1949, khi địch tung ra khẩu hiệu Tổng phản công, lập các đại đơn-vị rồi nhận định chưa thể đánh tan đoàn quân viễn chinh Pháp, địch vội vã thoái lui một bước và đổi khẩu hiệu thành «Tích cực chuẩn bị Tổng Phản Công», để khởi bẽ mặt với dân chúng. Thực sự, địch lại trở về thể du kích vận động chiến. Cho đến năm 1954, địch vẫn chưa dám dàn trận địa chiến để đánh vào các đô-thị lớn như Hà-nội, Huế, Saigon.

Năm 1968, chắc chắn tình hình quân sự của Việt-Nam và Đồng-minh phải mạnh hơn hồi 1954. Tại sao địch dám thí quân đánh vào tất cả các đô-thị, và sau khi bị đẩy lui, vẫn cố bám sát lấy chiến trường?

Vấn đề quân sự, xin đề cho các nhà quân sự mổ xẻ. Người dân chỉ đề cập

đến khía cạnh này vì sự tương quan chặt chẽ giữa kinh-tế và chính-trị, quân-sự.

Chúng ta nhận thấy hai hậu quả rõ rệt về kinh-tế :

1) Cơ cấu hạ tầng cơ sở kinh tế các đô thị bị thiệt hại nặng nề. Máy chục ngàn nhà cửa bị tan nát. 700.000 người màn trời chiếu đất. Các công cụ sản xuất, về thủ công, về tiểu công nghệ, ít nhất cũng bị hư hại đến một phần ba. Các nhà máy lớn, phần nhiều ở vòng đai các thị trấn đều bị tổn hại, . Các trục lộ giao thông, cầu cống đường sá cũng bị phá hoại không ít. Không những cơ sở hành chánh là mục tiêu đánh phá mà ngay cả đến những cơ sở xã hội, như trường học, nhà thương dịch cũng không tôn trọng.

2) Đời sống kinh-tế bị tắc nghẽn từ lúc ban hành lệnh giới nghiêm 24 giờ trên 24, vẫn chưa phục hồi lại được, ngay cả trong những vùng đô-thị đã hoàn toàn an ninh từ nhiều ngày. Không khí chiến tranh, lo âu, sợ sệt vẫn bao trùm lên trên tất cả mọi hoạt động. Các mạch máu thành phố chỉ vận chuyển chậm chạp. Các thị trấn, ngay cả Saigon đều thiếu dưỡng khí, thiếu sinh lực, và hầu như chỉ sống thoi thóp, nhờ những chất bổ dưỡng tích trữ từ trước, như cơ-thể thiếu ăn phải dùng dần dần đường dư, mỡ dư. Chúng ta chưa thấy kiệt quệ lắm, nhưng ngày nào xài hết các đồ tích trữ, chúng ta sẽ ra sao ?

 chúng ta cần tìm ngay một hướng đi về kinh tế trong hoàn cảnh mới.

Trước hết, nhân-dân đô-thị phải chấp-nhận tình-trạng chiến-tranh như một thực tại không thể tránh thoát.

Cho tới nay, địch chỉ tấn-công nông-thôn, những vùng hoang vu hẻo lánh, chúng dễ lẫn-trốn, và ta khó phòng-thủ. Nhân dân đô-thị sống an-ninh và quen với tâm-trạng ỷ lại, xa rời chiến-tranh. Chúng ta vẫn nghĩ, thời kỳ hậu-chiến đã bắt đầu đối với những đô-thị. Sự thay đổi chiến-thuật của địch làm đảo-ngược tất cả tình-thế. Địch vẫn bám sát lấy thành-thị, thời việc pháo-kích còn có thể diễn ra với một cường-độ mạnh-mẽ hơn. Đồng thời địch vẫn dư lực-lượng để thực mũi dùi vào trung-tâm những vùng trù-phú, nhân-dân đông-đảo.

Chúng ta chấp-nhận thực-tại chiến-tranh để khỏi hoang mang, chờ đợi, và để khép mình vào hoàn-cảnh mới, luôn luôn đề-cao cảnh-giác, tổ chức trường-tồn qua những cơn tai-biến.

Cũng như nhân-dân nông-thôn, muốn

liệu như vôi, gạch, ciment, tôn, gỗ v.v...

Lề lối xây-cắt sẽ theo khuôn-khổ phát-triển cộng-đồng, làm đồng-thời, cho từng khu phố, với tất cả gia-đình các gia-chủ và sự trợ-giúp của các đoàn-thể thanh-niên, sinh-viên thiện-chí. Chính phủ sẽ tích-cực giúp đỡ cho các phương-giện vận-chuyển, kể cả các phương-tiện quân-sự. Đồng-thời quốc-gia lập ngay các trụ sở hành-chánh, phòng thông-tin, đọc sách, trạm y-tế, lớp mẫu-giáo, cơ sở vệ-sinh, để giữ vững đoàn-ngữ nhân-dân và phát-triển khu phố về chính-trị, giáo-dục, xã-hội.

Chắc chắn tiền xây-cắt mỗi mái nhà sẽ rẻ được phân nửa.

Muốn có tiền, nhân-dân trong khu phố xin thành-lập ngay một hợp-tác-xã kiến-thiết. Các xã-viên chịu liên-đới trong việc vay tiền và trả tiền. Nếu có một gia-đình nào ở vào hoàn-cảnh không thể trả nợ được, các gia-đình khác sẽ tương-thân tương ái trợ-giúp cho qua lúc khó khăn. Hợp tác-xã khu phố sẽ hợp thành tỉnh-đoàn, và các tỉnh-đoàn hợp thành Hợp-tác-xã Trung-ương.

Hợp-tác-xã toàn-quốc sẽ đứng lên kêu gọi thế-giới cho vay tiền. Chúng ta vay bằng vật-liệu và một phần nhỏ là tiền mặt. Nếu phải kiến-thiết 50.000 căn nhà chúng ta cần vay từ 5 đến 10 tỷ bạc, nghĩa là từ 30 triệu đến 60 triệu Mỹ-kim. Vì phần lớn số nợ đã là vật-liệu nên số vốn trên đây cũng không phải là quá sức giúp đỡ của các quốc-gia bạn trong Thế-giới Tự-do.

Chúng ta xin trả trong thời-hạn là 10 năm và kể từ năm thứ hai, mỗi gia-đình sẽ đóng góp mỗi tháng khoảng 1000 đồng để trả nợ. Số tiền đó cũng chỉ như tiền thuê nhà và không quá khả năng đóng góp của các gia-đình lao-động. Sự đoàn-kết của 50.000 xã-viên sẽ bảo-đảm các món nợ được trang trải đáng-hoàng, đúng-kỳ-hẹn cho các quốc-gia tương-trợ.

Giải-pháp hợp-tác-xã kiến-thiết, thi-

hành cho đứng đắn, sẽ giải-quyết được rất nhiều vấn-đề cho đô-thị Việt-nam. Về mặt xã-hội, mỗi gia-đình nạn-nhân sẽ tái-thiết được mái nhà khang-trang ấm-ấm, do tay mình tạo ra, trong khung-cảnh một khu phố có tổ-chức, có tiết-nghỉ xã-hội. Về mặt chính-trị, chúng ta sẽ tạo được tình đoàn-kết giữa nhân-dân khu phố, điều-kiện tối cần yếu để bảo-vệ dân-chủ, tự-do, cường-thịch, cho đô-thị. Về mặt quân-sự, mỗi khu phố sẽ trở thành pháo-đài kiên-cố chống trả sự xâm-nhập của địch.

Thực-hiện kế-hoạch tấn-công đô-thị, địch sẽ phải đánh trận địa-chiến, và chúng ta sẽ bước qua thể du-kích, lấy 10 chống 10, lấy vũ-khí thô-sơ, chống vũ khí tối tân. Khi đó dầu muốn tràn-ngập Saigon địch cũng không có hy-vọng gì gây lại được bến-ổ Mậu-Thân.

Nhân-dân đô-thị cần phải có tinh-thần của dân-ộc Anh-cát-Lợi, trước mưa bom, trước đe-dọa đồ-bộ của Đức Quốc-xã. Ai sẽ là Winston Churchill Việt-nam để gieo rắc tin-tưởng vào lòng người, tổ-chức nhân-dân võ-trang và thúc-dẩy guồng máy kinh-tế quay mạnh hơn nữa. Chiến-sự càng khốc-liệt bao nhiêu, nhịp sống kinh-tế của người dân càng cần phải tăng mạnh bấy nhiêu mới hy-vọng đối-phó được với thời-cuộc, hàn gấn các vết thương lở-lói. Nếu chúng ta quá sợ địch đến nỗi chỗ nào bị thương, dầu đã liền miệng, cũng vẫn cứ thắt chặt mạch máu không cho chảy tới nữa thì làm sao mà mọc được da non?

Nên tình-trạng thiết-quân-luật, thời-hạn giới-nghêm cũng cần phải được nghiên-cứu kỹ-lưỡng dưới khía-cạnh kinh-tế nữa. Làm sao tái-thiết mau-chóng nền kinh-tế đương bị ngừng-trệ, là vấn-đề thứ hai, mà cũng là vấn-đề cực-kỳ quan-trọng, nhân-dân đô-thị phải đối-phó cấp-thời.

(Xem tiếp trang 29)

DUY

Một học - chế thời chiến cho quốc - gia

ĐOÀN-NHẬT-TẤN

Đã hơn mười năm rồi, đất nước lâm cảnh chiến-tranh dai-dẳng, mọi sinh-hoạt quốc - gia dù muốn dù không cũng đã chịu ảnh-hưởng nặng nề của thời-cuộc. Có lẽ vì đây là một cuộc chiến không biết đã khởi tự lúc nào, chiến-tuyến ở đâu, nên trong kế-hoạch nhà nước ở mỗi ngành chỉ thấy có ứng-phó cục-bộ, lâm-thời và bị-động mà không nằm trong khuôn - khổ một quốc-sách chung nào. Riêng ngành giáo-dục cũng chưa thấy có chủ-trương nào ngoài cách thỉnh-thoảng hạn - định chương - trình hàng năm cho các lớp thi.

Ảnh - hưởng của chiến-tranh vào học-đường :

Ở các trường học nhất là ở bậc Tiểu và Trung - học, năm nào cũng có giáo-chức nhập-ngũ, có khi phải tạm đóng cửa một số lớp để chờ bổ-sung. Bị khốn đốn hơn hết là cấp Tiểu-học cũng là cấp liên - quan nhiều nhất đến quảng - đại nhân-dân : Rất nhiều trường phải ngưng dạy vì thiếu an-ninh, trẻ em di-cư về vùng an-ninh mà hoàn cảnh thiếu thốn trong chiến-tranh không cho phép mở kịp đủ trường đủ lớp. Trường nào còn hoạt-động được ở nơi có nhiều ít an-ninh thì hiện thời khó tránh được việc giảm bớt số giờ học của trẻ vì tình-trạng : hoặc năm học bị gián-đoạn mất một số tháng, hoặc một thầy phải dạy 2 lớp, hoặc một phòng phải dùng cho nhiều lớp hoặc một ngày chỉ dạy được buổi sáng vì là vùng "xôi đậu" giáo chức

không trú lại được tại địa-phương ban đêm.

Tình-trạng cũng thất thường : nhập hai lớp lại mà chờ thầy trong vài tháng rồi lại có thầy, thầy đang dạy thì phải nhập-ngũ, địch đốt phá một số lớp sau 5,3 tháng mới cất lại xong... Trẻ em học khi nhiều khi ít, khi nghỉ cả tháng, khi học buổi 4 giờ hoặc cả ngày chỉ một vài giờ.

Trước tình-thế ấy, thái độ của mỗi giáo-chức chúng ta lâu nay là bị động, tự ai nấy lo cho tạm qua, không có một kế-hoạch chung nào được tiên-liệu, nên khiến gây nhiều chênh-lệch trong trình-độ giảng dạy ở các trường, nhiều thiếu-sót bất-thường làm giảm sút nghiêm-trọng học-lực của học-sinh.

Thêm vào đó phải thú-nhận những lệch-lạc của một số giáo-chức thiếu trách-nhiệm, nhân cơ-hội, bỏ lơ-là việc dạy vì quen thói làm việc dưới sự hăm-dọa hay đốc-thúc của kẻ khác nên gặp lúc không có ai kiểm-ra đôn-đốc thì đi trễ về sớm, dạy chiếu-lệ, bất chấp những thiệt-thòi gây ra cho đám trẻ thơ.

Nếu cứ để tình-trạng này kéo dài mà không phương cứu-chữa thì rồi đây nạn thất học sẽ trầm-trọng, có ảnh-hưởng tai-hại chuyển đến mọi ngành sinh-hoạt quốc-gia trong đám người lớn sau này. Ngay bây giờ, trẻ em mà không sẵn-sóc chiếu-cổ đúng mức ở trường thì thời-gian rảnh-rỗi đối với chúng cũng đã bắt đầu tác-hại không ít...

Mục-tiêu của kế-hoạch :

Cho nên mục-tiêu của một học-chế thời-chiến không phải là giảm nhẹ việc học-hành ở nhà trường, để hợp-thức-hóa cái tình-trạng thiếu-sót thất thường và tạm-bợ ấy, mà chủ-yếu là để vớt-vát lại nhằm giảm-thiểu hết sức những hậu-quả tai-hại có thể đưa đến cho học-sinh. Mặc dù trở ngại khó-khăn, trách-nhiệm của chúng ta là phải bảo-đảm đến mức tối-đa một học-lực bình-thường cho trẻ sau mỗi niên-học, bảo-đảm sự liên-tục của chương-trình học ; và về số-lượng thì cũng làm sao đừng đóng cửa lớp và nếu cần, cũng mở thêm được đủ lớp để giữ cho được tăng-độ bình-thường của sĩ-số hàng năm.

Nói tóm lại là làm sao với những phương-tiện khó-khăn của thời-chiến ta phải đạt cho được, càng đầy-đủ càng hay, cái hiệu-năng giác-huấn của các trường-học ở thời-bình. Việc cắt bớt chương-trình hay hạ thấp trình-độ của trẻ là việc không nên làm vì trẻ sẽ không có một căn-bản vững-hóa tối thiểu để tiếp-tục học sau này, bởi thế, giải-pháp cho vấn-đề phải là chuyện phương-pháp giảng dạy chứ không phải là tiết-giảm nội-dung chương-trình để lưu hại về s. u.

Phương-châm.

Đề thích-nghi với tình-trạng số giờ học bị hạn-chế như hiện tại mà không làm giảm sút trình-độ học-sinh, chúng ta có thể áp-dụng :

Hai phương - châm về sư - phạm :

1. — Chuyển một phần nội-dung giảng dạy ở lớp thành đề-bài làm ở nhà :

Hiện nay thời-gian trẻ học ở lớp bị giảm bớt thì thời gian chúng rảnh-rỗi

ở nhà phải tăng lên; đó là điều đáng ngại : gia-đình chúng ta phần đông không sẵn-sàng nhận lãnh việc dạy dỗ con em khi họ đã cho nó đến học ở trường : ở những nhà khá-giả, trẻ không phải làm-lụng thì sinh ra chơi-bời, cặp bè cặp lữ để hư-hỏng, đọc sách nhảm-nhí. Ở những nhà nghèo hơn, nếu trẻ đi học thì cũng sắp xếp được việc nhà cho nó đi, nhưng nếu nó có mặt ở nhà thì không khỏi bị sai vặt luôn tay, có khi phải phụ giúp với cha mẹ trong nghề-nghiệp và quần-quật suốt ngày; ở một tuổi nhỏ mà như vậy, chẳng có lợi gì cho nó về thể-xác lẫn tâm-hồn, nó cũng có thể trốn đi lêu-lồng với bạn bè hơn là chịu sự kiểm chế của cha mẹ. Học ít mà chơi bời hoặc làm-lụng quá nhiều thì cũng lãng quên mất hết.

Đề ứng-phó với tình-trạng này ta nên dành một số bài cho trẻ tự làm lấy ở nhà : thầy giáo chọn phần chính của mỗi chương để dạy trong bài học giảng ở lớp, phần còn lại thì ra thành bài tập, đặt câu hỏi hướng-dẫn, rõ ràng, tỉ-mỉ để trẻ tự làm ở nhà, tự tìm ra điều cần học.

Ví dụ ở Tiểu-học, môn Toán : thầy dạy ở lớp những qui-tắc chính rồi ra bài làm ở nhà để trẻ tự tìm ra và áp-dụng những qui-tắc phụ. Điều cốt yếu là bài ra phải dễ, có nhiều câu hỏi tiến dần từ dễ đến khó vừa sức trẻ nghĩ ra được, không bí, không chán. Môn Địa, Sử, Công dân thì phải cho trẻ mua sách, thầy dạy ở lớp những bài then-chốt trong mỗi chương, các bài khác thì cho trẻ về đọc sách trả lời cho được những câu hỏi trong sách hay của thầy ra. Những môn như viết tập, thể dục thì tập ở lớp một phần cho trẻ ý-thức được cách-thức rồi phần lớn thì tập ở nhà. Luận

Chính-tả thì dạy ở lớp như bình-thường. Thường-thức thì nhiều bài có tính-cách mô tả những sự vật thực-tại có ở địa-phương có thể cho trẻ về nhà quan-sát để trả lời những câu hỏi. Ở trường đã học cây lúa thì về nhà quan-sát cây đậu, cây khoai, ở trường đã học con gà thì về nhà quan-sát con vịt; có khi cho quan-sát hình ảnh trong sách, đọc sách để trả lời những câu hỏi của thầy đề ra về những điều cần học. Ở Trung-học, trẻ đã lớn, mà có bài làm thường-xuyên ở nhà để khỏi rảnh-rỗi quá nhiều là điều cần-thiết; mà cũng dễ thành công vì nó đã biết lo-liệu và có một vốn học-thức khiến nó nhờ vào đó mà tự-lực có hiệu quả trong việc suy-luận để tự tìm ra một định-lý nhỏ theo sự chỉ-dẫn của thầy, việc quan-sát thực-tế hay nghiên-cứu trong sách ngoài giờ học ở lớp. Tài-ba của thầy là ở lối ra câu hỏi cho rõ-ràng, giản-dị, câu trước mớm giải đáp cho câu sau, dẫn trẻ đến điều cần phải học.

Như vậy số giờ trẻ học ở nhà ít ra cũng bằng số giờ học ở trường hay hơn nữa. Vấn-đề là làm thế nào để tạo điều-kiện, đôn-đốc, kiểm-soát cho trẻ chịu học khi không có mặt thầy.

Trợ-lực để bảo-đảm cho vấn-đề này là sách, bè bạn, và phụ-huynh. Trẻ phải có sách. Ngoài giờ học thì bạn-bè có thể giúp nhau rất nhiều khi thầy giáo cho trẻ quen sinh hoạt hàng-đội chặt-chẽ, đưa giỏi kèm đưa kém. Phụ-huynh ở nhà cũng được thông-cảm về « học chế thời chiến » của nhà trường đề nhắc nhở, sắm đủ sách vở và dành thì giờ cho trẻ: chúng rủ nhau đến nhà để học hỏi chỉ vẽ cho nhau thì không rủ nhau đi chơi-bởi cò bạc nữa. Ở lớp, thầy nên chấp nhận cho trẻ kém có thể nhờ cha anh hay bè-bạn ở nhà chỉ cho nó làm bài, miễn là nó phải hiểu bài đó không

được chép nhật mù-quáng. Việc dò bài chấm vở cũng phải có kế-hoạch chu-đáo, nếu không thì ít trẻ chịu học; bởi thế mà giờ học phải kéo dài thêm: Ở tiểu-học bình thường mỗi « giờ » chỉ 35 hay 50 phút thì nay đúng 1 giờ để thầy có thì giờ kiểm soát lại bài làm ở nhà và ra câu hỏi mới. Học-sinh đông thì thầy không kiểm-soát toàn lớp mà chiếu-cổ thường-xuyên đến những em kém, thiếu cố gắng để rồi nhận-xét cho cả lớp biết giải-đáp đúng của bài, tuần này thầy lưu-ý đến số em này, tuần sau số khác luân phiên cho đều. Những em quá kém nếu thầy không trực tiếp săn-sóc được thì phải đặc-biệt gửi-gắm cho bạn giỏi ở lớp trên hoặc cho cha anh của chúng. Kế-hoạch phải linh-động nhất là ở lớp nhỏ, thầy phải dè dặt hơn, lúc đầu ra bài ít, theo giới một thời-gian cho trẻ làm có kết-quả rồi mới tăng thêm nữa dần dần. Ở lớp lớn như ở Trung-học, nếu khéo sắp cho đội nào cũng có trò giỏi thì họ chỉ vẽ cho nhau, bài ít làm sai, đến lớp thầy chỉ cần giả g thêm cho tường-tận. Mỗi tháng phải có một bài làm tại lớp để kiểm-soát chung.

Về phương-diện sư phạm, thì phương-pháp như trên đã bảo-đảm được nội-dung chương-trình vì không có bài học nào bị bỏ sót; không thực-sự dạy ở lớp thì cũng cho trẻ linh-hội được qua bài tập làm ở nhà. Về khả-năng thông-minh, phán-đoán, suy-luận, tính-toán thì trẻ cũng không kém thua vì phần tự-sức tìm tòi có nhiều hơn trước. Đây cũng là cơ-hội tốt để rút trẻ ra khỏi lối học truyền-thụ ngày xưa.

2. — Lồng môn học này vào môn học khác :

Phương-châm này thích-hợp với các

lớp Tiểu-học nhiều hơn mà cũng không phải là không áp-dụng được ở Trung-học phần nào.

Phải nhận rằng ở nhà trường có một điều rất kỳ-lạ là người ta dạy trẻ em học từ-ngữ, viết tập, đọc sách làm văn trong những giờ riêng biệt tách rời với các môn học khác. Mỗi tuần thầy chỉ cho trẻ viết tập vài lần, mỗi lần năm ba hàng thì làm sao có được thói quen tốt, nếu ngày thường trẻ biên chép rất nhiều trong vở mà thầy không chú ý tới lối viết như thế nào? Lại ngày nào trẻ cũng đọc, viết, nói rất nhiều trong tất cả các môn học, nếu thầy lưu tâm cho trẻ phát âm đúng, viết chữ đẹp lời hay thì ý-tứ đã được lĩnh-hội xác-đáng mà ngôn-ngữ cũng mau có nề-nếp, có tốt hơn là một tuần vài giờ chính-tả, làm văn hay ngữ-vựng không?

Vì vậy chúng ta có thể đem nội-dung môn này mà lồng vào hình-thức của môn kia để giảm số môn học hàng tuần xuống cho thích-nghi với số giờ hạn-chế được học trong thời chiến. *Sử, Địa, Công-dân* có thể học dưới hình-thức tập-đọc. Trong các bài này đoạn nào kết-hợp được hai tiêu-chuẩn văn-chương và kiến-thức cần nhớ thì cho học thuộc lòng một tuần vài lần. *Thường-thức* và *vệ-sinh* được xem như một giờ quan-sát kèm với tập-vẽ và thủ công. Cao trẻ vẽ lại vài chi-tiết đã quan-sát, làm dụng-cụ hay cắt dán những hình-đồ có liên-quan đến bài học; đề-tài nên giản-lược cho hợp với trình-độ khéo tay của trẻ mỗi lớp. Chính-tả không có nghĩa là "kể đọc người viết" mà cốt sao cho trẻ viết đúng chữ, cho nên khi nào có chép bài, ết chữ là thầy coi trọng như trong một giờ chính-tả và viết-tập. Hàng ngày một vài bài học được thêm năm ba phút so với giờ cũ để trẻ chép bài cho cẩn-thận -

nhưng không còn có giờ tập đọc, tập viết, chính-tả, văn-phạm, từ-ngữ riêng nữa. Số giờ *Luận* vẫn giữ y như xưa nhưng nội-dung làm văn phải dựa vào một trong các môn học kiến-thức như thường-thức, địa-lý (mô-tả), sử-ký (kể-chuyện), hay công-dân (biện-luận). Nhờ đó mà số giờ các môn này có thể giảm đi: *Luận* lớp Ba đã cho quan-sát và tả một con ngựa thì thường-thức không học về con ngựa nữa. Chỉ có môn *Toán* là không kết-hợp được với môn khác ngoại trừ có thể đề cập đến vài số-lượng lấy trong thực-tế khoa-học.

Tính ra thời khóa-biểu có thể bớt được độ 9 giờ học ở lớp nhì, nếu chỉ áp-dụng phương-châm này. Về *phương-diện sư-phạm* thì cách này đòi hỏi một biến-cải cách-mạng so với lối dạy cũ bởi vì ngôn-ngữ, văn-chương không thể coi là một bộ-môn riêng biệt trong sinh-hoạt con người. Người ta nói và viết là để nói và viết một cái gì chứ không có chuyện nói và viết suông được. Nhất là đối với trẻ còn đi học ở trường thì ngôn-ngữ đang là phương-tiện cần-thiết cho nó đi vào cuộc đời thực-tại hữu-hình chung quanh chứ chưa phải là để thỏa-mãn một nhu-cầu tâm-trí cao xa nào thì người ta lại càng không thể tách rời ngôn-ngữ với nội-dung thực-ế được. Mà nội-dung ấy là gì nếu không phải là những cảm-xúc suy-tư của nó đối với biển rộng núi cao, di-tích, anh hùng liệt-sĩ... với thân thuộc đồng-bào, với các giống chim muông, đất, đá mà chúng ta đang cho nó gần-gũi nhận xét trong những môn sử, địa, công-dân, thường-thức học hàng ngày? Con người chỉ là một, cơ-cấu với chất-liệu không thể tách làm hai; việc tách rời Việt-ngữ với phần lớn sinh-hoạt của trẻ ở học-đường xưa nay là một sai-lầm tận căn,

bản. Một tệ-hại không-tránh-khỏi do đó mà ra là thầy giáo chúng ta chỉ lo cho trẻ văn hay chữ tốt trong các giờ viết-văn còn trong các môn học khác thì lại dễ-dãi với lối ăn lối nói của chúng khiến cho các giờ ấy chỉ còn cái vai trò lờ-quần là sửa chữa lại những thói tật xấu mà trẻ đã nhiễm phải trong các môn học khác mà thôi. Bởi vì trẻ tập-đọc mà ê-a, tập viết mà bưng-bình thì thầy quở phạt, nhưng suốt ngày trẻ trả bài, chép bài thì thầy chỉ « khán » qua loa.

Hai phương-châm trên đây được trình bày riêng-rẽ cho rõ-ràng ; trong thực-hành, thầy giáo sẽ tùy nghi mà kết-hợp cả hai cho thích-ứng với số giờ hiện dạy của mỗi lớp và sự quan-trọng của môn học xứng với mỗi lứa học-sinh.

Một phương-châm về nhân-sự :

3. — *Giáo-chức tự tạo một « tinh-thần thời chiến » cho mình :*

Hai phương-châm trên kia chỉ là phương-pháp, việc sử dụng đúng phương pháp còn tùy ở giáo-chức chúng ta. Trách-nhiệm của chúng ta giờ đây là bảo-vệ cho được con em ta chống lại mọi tai-họa do thời-cuộc đem đến. Đối với chúng ta đường lối chống chiến-tranh hữu-hiệu nhất — vì ở trong tầm năng-lực của chúng ta — là làm thế nào chiến-tranh đưng tác-hại đến hiệu-lực nghề nghiệp mình là sự học-tập của đám si-tử. Đó là tinh-thần mà một học chế thời-chiến đòi hỏi nơi chúng ta.

Kế-hoạch trên đây không đề ra một số giờ dạy thêm nào cho giáo-chức, như ở Tiểu-học, thời-bình chúng ta dạy 5 giờ mỗi ngày thì bây giờ tuy thiếu thầy thiếu lớp ta cũng chỉ dạy số giờ ấy cho hai lớp : sáng 3 giờ cho lớp này, chiều

2 giờ cho lớp kia (ngày sau thì ngược lại) vì số giờ mỗi lớp đã phải bớt đi. Nếu việc soạn bài có mới-mẻ thì chúng ta soạn một bài mà dạy được hai lớp. Chúng ta có thể chấm bài nhiều hơn trước và cần thường liên-lạc nhiều hơn với học sinh ngoài giờ dạy, đó là những cố-gắng tối-thiểu mà quốc-gia cần đòi hỏi ở chúng ta trong thời buổi kham khổ này.

Nói đến cái động lực thúc-đẩy con người làm việc thì phải nhận rằng việc kiểm-tra đôn-đốc, san-sẻ kinh-nghiệm bao giờ cũng cần-thiết cho mọi ngành hoạt-động trong xã-hội. Nhưng trong tình-trạng thiếu người, thiếu phương tiện di-chuyển như hiện tại ta không thể đòi hỏi mỗi giáo-chức hàng năm phải có thanh tra khám lớp đôi ba lần như trước, mà cũng không nên làm như thế để đặt người giáo-chức chúng ta trong thói quen bi-đặt là phải đợi có kẻ khác đốc-thức thì mới chịu làm bởi vì đối-tượng phục vụ của chúng ta là dân-chúng, là ở trẻ em, chứ không phải ở những người trên có quyền thưởng-phạt. Chúng ta nên tìm thưởng-phạt ấy ở sự tiến hay thoái-bộ của học-sinh, ở dư-luận phụ-huynh (mà dù sao ta cũng không ngăn-cấm được) và ở ý-kiến thân-mật và thẳng-thắn của bạn đồng nghề.

Cho nên giải-pháp thích-đáng nhất trong lúc này là đặt một sinh hoạt nội-bộ chặt-chẽ trong nhà trường để hàng tuần đồng-nghệp có thể hội-hợp chia sẻ kinh-nghiệm cho nhau, giúp-đỡ ý-kiến xây-dựng nhau, và lập một liên-hệ thường-xuyên giữa nhà trường với học-sinh và phụ-huynh ngoài giờ giảng dạy để thu-thập ý-kiến của họ. Đó là bi-quyết để thăng-tiến con người chức-nghiep của các thầy giáo hiện nay.

Bởi vì sư-phạm không phải là lý-thuyết, thề-lệ, mà là một *tinh-thần* là *khả năng* linh-động của thầy giáo biết cách đạt được lợi-ích tối-đa cho học-sinh, biết biến-cải lẽ-lối làm việc của mình cho hợp với tình thế học-sinh, một *tinh-thể* mà ngoài thầy ra không ai có thể nắm sát được. Vận mệnh đất nước bắt đầu được quyết định từ *tinh thần* phục-vụ của giáo-chức ở học-đường, bởi vì

tuổi trẻ là tuổi tâm-trí non mềm dễ chịu ảnh-hưởng sâu đậm của giáo-dục nhất, mà người công dân nào lại không trải qua một thời niên-thiếu dưới mái nhà trường?

Do đó mà nên găm đến công và tội của người giáo-chức trong mọi biến-cố quốc-gia.

5-2-58

ĐOÀN NHẬT TẤN

THƯ-LÂM ẤN THƯ QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn
Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn,
nhãn cổ áo (étiquette)

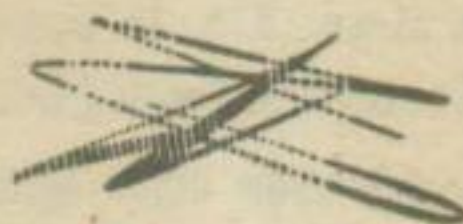
Rượu bồ
QUINQUINA

Quina '9'
CỔ ACIDE GLUTAMIQUE



khai vị,
ăn thêm ngon.

BỔ ÓC
bồi dưỡng
cơ thể



KN 2071.5YT

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

Vấn-đề lịch-sử

Thượng bán thế kỷ 20 của chúng ta là một thời kỳ mà vấn đề lịch sử đã được đặt lại một cách bi đát hơn bao giờ về trước. Bấy giờ người ta đang bước vào một giai đoạn mới, và người ta choáng váng trước những ánh sáng mới, với viễn tượng của những chân trời mới. Đối với vấn đề lịch sử, các tư tưởng gia, gồm cả những khối óc thâm thúy nhất, quảng bác nhất, bình như đã có cảm giác của tình trạng đang chơi vơi trên cửa vực. Tính cách vĩ đại, huy hoàng của lịch sử, đã làm cho nhiều nhà trí thức hụt trí, đến nỗi thốt ra những lời ngơ ngác, buông xuôi, như «lịch sử là vô nghĩa». Đang lúc đó đối với ngàn vạn kẻ khác những kẻ không quen suy nghĩ, những kẻ không quen đặt vấn đề, lịch sử lại là một cái gì quá dễ dàng, quá tầm thường. Nó dễ dàng cho đến độ bình như hễ ai biết viết đều có thể viết được sử; nó tầm thường cho đến độ bình như hễ ai biết đọc đều có thể dạy được sử. Theo họ, lịch sử là một vật dụng hằng ngày, và là một vật dụng rất hữu ích, cho đến những người cả đời có lẽ không bao giờ học thuộc một bài sử ở nhà trường, cũng to tiếng ca tụng giá trị của «bài học lịch sử.»

Bởi đâu mà có tình trạng trái ngược này? Do có thể chỉ vì lịch sử là một cái gì rất cụ thể, rất thiết thực, mà cũng là một cái gì rất bao la, rất uyên áo. Vì nó cụ thể và thiết thực, nên ai cũng thấy

được, ai cũng dùng được. Nhưng vì nó bao la và uyên áo nên những kẻ cố nhin vào, càng nhìn càng thấy xa xăm, vời vọi. Và như thế, có lẽ không lạ gì, vì lịch-sử là đời sống con người, đời sống loài người. Hỏi có gì cụ thể và thiết thực cho bằng đời sống, và hỏi có gì bao la uyên áo cho bằng đời sống? Nếu nhin vào đời sống, người ta có thể có nhiều thái độ, nhiều lập trường, và thái độ, lập trường này, không phải chỉ không giống nhau mà đôi khi còn trái nghịch nhau, thì có gì là ngạc nhiên khi chúng ta thấy có nhiều kẻ không đồng ý nhau về vấn đề lịch sử.

Nói người ta không đồng ý nhau, không phải là chỉ thu hẹp vào những mẫu chuyện vụn vặt, địa phương, như nguyên nhân của thế chiến thứ nhất hay nguồn gốc dân tộc Việt-nam, mà trong những vấn đề chung như định nghĩa của lịch sử, hoặc lịch sử là khoa học hay nghệ thuật. Vì nhin vào vấn đề từ những khía cạnh không giống nhau, triết gia đã chạm trán với học giả, và rồi dùng lời nặng tiếng nhẹ phê bình nhau, sửa lưng nhau. Ví dụ trong quyển *Idea of History* (Ý nghĩa lịch sử) R. G. Collingwood nói: «Theo ý tôi, mọi sử gia đều biểu đồng tình rằng lịch sử là một môn thuộc loại nghiên cứu» (1), thì trong quyển *Meaning of History*. (Ý nghĩa lịch sử), Erich Kahler lại nói: «Tôi cãi lại, vì lịch sử không

(1) Oxford, 1946, trang 9.

lẽ nào giống như việc chép sử hay việc nghiên cứu sử », rồi ông thêm : « Cái tôi gọi là lịch sử chính là sức hoạt động thâm thiết trên nhau giữa thực tế và quan niệm ». (2) Nhưng cãi nhau rồi cũng thế, vì cả hai đều đúng và đều không đúng: một bên nhìn vào phần cụ thể của vấn đề, một bên nhìn vào phần uyên thâm của nó, như thế hai bên bổ túc cho nhau, chứ đâu có chống chọi nhau. Nếu Collingwood khẳng khẳng cho rằng lịch sử chỉ có thể, thì ông còn thiếu, và nếu Kahler cũng khẳng khẳng cho rằng lịch sử chỉ có thể, thì ông cũng còn thiếu. Không có nghiên cứu lịch sử thì làm gì biết được thực tế của lịch sử đề rồi thấy cách trí khôn vận dụng trên thực tế đó ? Cuộc cãi lộn về vấn đề lịch sử là khoa học hay nghệ thuật cũng đã bắt nguồn bởi những cái nhìn một chiều. Cái chiều nhìn của con người tùy thuộc phần nào ở tư trào chung. Khi khoa học chưa trở thành một mãnh lực lôi cuốn, thì người ta coi lịch sử là một môn thuộc bộ loại văn chương, nghĩa là nghệ thuật. Như thế trải qua hai mươi bốn thế kỷ chứ không phải ít. Thế rồi những phát minh của khoa học đứng dậy điều khiển đời sống con người, điều khiển tư tưởng con người. Khi đó, tức vào thế kỷ 19, sử gia cũng gia nhập phong trào khoa học, đua nhau nói lịch sử là khoa học. J.B. Bury, vào quãng đầu thế kỷ, mạnh dạn nói với công chúng Anh : « Lịch sử là một khoa học, không hơn, không kém ». Tuy nhiên không phải không có những kẻ như Edward Meyer chủ trương : « Lịch sử không phải là một ngành kiến thức có hệ thống » (3). Ở đây nữa, hình như cả hai phía đều đúng cả, vì cả hai phía đều chân thành mô tả một sự việc, tức là lịch sử. Lịch sử là một sự thực không phải chỉ thuộc loại

trừu tượng, mà còn thuộc loại cụ thể. Chân lý lịch sử là một chân lý cụ thể, và chính vì đó mà nó là một nghệ thuật và một khoa học. Muốn tìm nó, người ta phải có những phương pháp khoa học, muốn diễn nó, người ta phải có sự thành thạo của nghệ thuật. Vì nó là cả hai nên nó không có thể hoàn toàn là bên này hay bên kia. Hỏi việc xảy ra, không phải xảy ra trong cụ thể là gì ? Lại bởi việc xảy ra đó là chính đời sống của con người, và bởi đời sống con người đầy ly kỳ, đầy thô kệch cũng như đầy thơ mộng, nên muốn mô tả cho đúng sự thật của đời sống, sử gia cần phải sử dụng một nghệ thuật điều luyện biết bao mới mong thành việc.

Cuộc cãi cọ về định nghĩa và bộ loại của lịch sử không đến nỗi gây căng thẳng. Khủng hoảng xảy ra là do kết quả của cuộc cãi cọ này. Chính vì người ta muốn làm chứng rằng lịch sử không phải chỉ là một mĩ văn chương, mà người ta đã bỏ công nghiên cứu lịch sử theo phương pháp khoa học. Rồi chính vì người ta muốn làm chứng rằng lịch sử không phải là khoa học mà người ta đã cố nêu cao vai trò của tư tưởng trong việc hình thành lịch sử. Sau hết, chính trong khi cố làm chứng như vậy, người ta đã khám phá ra cả một chân trời mới. Đề thấy rõ đầu đuôi, chúng ta thử lần theo sự diễn biến của vấn đề.

Cho đến thế kỷ 17, 18, thế giới hình như im lìm trong sự bần bí của chân lý, trong sự trường tồn của những nguyên tắc tuyệt đối, về triết lý cũng như về luân lý. Sự tin tưởng này sở dĩ có là vì người ta không nhìn kỹ vào quá khứ cũng không xét nhiều đến tương lai. Cái nhìn chung là một cái

(2) Brazillier, 1964, trang 16 và 181.

(3) Trích trong *The Use of History* của A.L. Rowse, Collier Books, 1964, trang 67.

lịch-sử là một lối phán đoán dựa trên lịch-sử, nói thế chưa đủ, còn phải thêm rằng mọi phán đoán đều là phán đoán lịch sử, hay nói cho đơn sơ, mọi phán đoán đều là lịch sử» (4). Hơn một tí, Ortega y Gasset nói : « Con người không có bản tính, chỉ có lịch sử » (5). Nhưng lịch sử là gì ? Nó không là gì hết, vì theo Karl Popper : « Lịch sử là vô nghĩa », hay nếu có ý nghĩa nào chăng, thì « ý nghĩa đó nhờ quyết định của chúng ta mà có ». Và đề tóm lại, Leo Strauss tuyên bố : « Lịch sử là câu chuyện thuật bởi một thằng ngốc » (7). Muốn cho rõ ý của những lời trên đây hơn, có lẽ phải nói lịch sử là một câu chuyện ngốc do một thằng ngốc thuật, vì câu chuyện đó chính nó đã vô nghĩa lý. Như vậy, người đời chỉ là một lũ ngốc, vì người đời chỉ có lịch sử chứ không có bản tính nào khác. Đó thật là những lời hoảng hốt của những kẻ tự nghĩ rằng mình đang chứng kiến một cuộc đồ võ hoàn toàn và vô vọng.

Nhưng thực tế có đến bi quan tuyệt mực như vậy không ? Có lẽ vì thực tế của đời sống đã làm chứng rằng không phải như vậy, nên cơn khủng hoảng đang dần dần lắng đi và những lời liễu lĩnh trên đã bị hoài nghi, coi thường. Lịch sử đã đem loài người đến một khám phá to tát thật, nhưng khám phá này là để xây dựng, chứ không phải để tiêu thổ. Kết quả tích cực của nó là để đem

quân binh đến giữa cố định và di dịch, giữa tuyệt đối và tương đối. Con người không tương đối mà cũng không tuyệt đối, nó không phải chỉ có di dịch mà cũng không phải chỉ có cố định. Con người là tất cả đó, cũng như nó là tinh thần và vật chất cùng một lúc. Khi người ta khám phá rằng quả đất xoay, người ta cũng đã hoảng hốt. Người ta đã nghĩ rằng nếu quả đất xoay, tất cả những gì trên quả đất sẽ bị khuynh đảo hết. Nhưng quả đất xoay mà không gì trên quả đất vì đó mà bị khuynh đảo. Lý do giản dị là trước đó quả đất cũng đã xoay mà cũng không có gì đã bị khuynh đảo. Nay người ta khám phá ra rằng nguyên tắc có thể lung lay, và người ta vội nghĩ rằng tất cả lâu đài tư tưởng sẽ bị tan tành. Nhưng trong thực tế, nguyên tắc đã lung lay trước khi các sử gia biết đến sự kiện đó, vậy mà về trước lâu đài tư tưởng vẫn vững, con người vẫn khôn ngoan. Và trước đã vậy, chắc sau cũng vậy, có khác chăng là khác ở chỗ lâu đài tư tưởng sẽ tốt đẹp hơn, và con người sẽ khôn ngoan hơn, vì quân binh hơn.

NGUYỄN-PHƯƠNG

(4) Rowse, sách đã dẫn, trang 99.

(5) Obras Completas, Madrid, tập VI, tr. 41.

(6) The Open Society and its Enemies' London, tập II, trang 265.

(7) Natural Right and History, Chicago tr. 18.

Tân-niên tìm đọc :

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON

Truyện dài của VÕ-HỒNG

Tập san VĂN xuất bản — Loại sách phổ thông.

SARTRE trong đời tôi

II) SARTRE, CON NGƯỜI CỦA MỘT TẠP-CHÍ

Tôi thường được một vài người bạn khuyên nên chuyên hẳn về một ngành, và hơn nữa, về một vấn-đề để có thể đào sâu, xây dựng một sự-nghiệp trên công-trình biên-khảo thật qui-mô, khoa-học, và đừng viết đủ mọi vấn-đề, nhất là viết đụng chạm đến mọi thứ người chỉ làm cho người ta thêm ghét. Một vài dư-luận khác, ít thiện-cảm, cũng nhận xét như vậy nhưng với ý-định chê bai, khinh bỉ. Không phải là người chuyên-môn!

Trước đây, tôi cũng từng mơ ước trở thành một học-giả, một triết-gia một nhà nọ nhà kia (biên-khảo, nghiên-cứu v.v...) bằng cách viết một cuốn sách độ bảy tám trăm trang về triết-học, văn-học thật xúc-tích, công phu theo đúng những đòi hỏi của một công-trình nghiên-cứu khoa-học; tôi sẽ được tiếng và nhất là được kính nể vì vấn-đề nghiên-cứu thật cao xa, thâm trầm, chuyên môn, không đụng đến thời-cuộc, cũng không đụng đến ai về niềm tin, quyền lợi của người ta. Đời sống sẽ thanh bình biết bao trong vui thú tìm kiếm và trong sự tôn-trọng của mọi người.

Nhưng khi tiếp xúc với tư-tưởng của Mounier và Sartre, tôi giác ngộ và thấy lối sống của hai người thật vừa hay vừa

phù hợp với ao ước thực sự của mình. Mounier cũng như Sartre đều là những người có huấn-luyện triết-học (đỗ thạc-sĩ triết-học) nhưng đều rời bỏ những nơi trú-ân yên-ôn thanh-bình: Đại-học, sách vở, để ra đường bám sát vào thời-cuộc và suy-tư không phải từ truyền thống triết-lý trong sách vở, nhưng từ thực-tế trước mắt là biến-cổ, lịch-sử thời-đại của mình, cũng không phải chỉ suy-tư một mình, mà suy tư cùng với những người khác trong một công-trình tranh đấu nhằm tìm hiểu hoàn-cảnh thời-đại của mình để biến đổi nó theo con đường, lý-tưởng mình cho là hợp-lý.

Do đó, vấn-đề không còn phải là làm một tác-phẩm như một công-trình cá-nhân để truyền lại cho hậu-thế, nhưng là cùng làm một tác-phẩm để tác dụng ngay vào hiện tại. Tác-phẩm ở đây cũng không phải là bộ sách nhưng là một tạp-chí tranh đấu. Không phải nghiên-cứu theo kiểu nhà trường, giáo-khoa, những vấn-đề đời đời, vượt không gian thời gian. Nhưng cũng không phải tạp-chí tranh đấu cho một lập-trường chính-trị nhất định của một đảng phái, tổ chức chính-trị, nhưng là tranh đấu trên lãnh-vực tư-tưởng, dẫn

thân trong chính chữ viết, lời nói ; coi tạp-chí như một nơi gặp gỡ chung để cùng suy-tưởng, sửa soạn hành-động (tạp-chí Esprit của Mounier, tạp-chí Les Temps modernes của Sartre).

Nhà triết học không còn phải là một hiền-nhân đạo mạo giảng dạy những lời lẽ cao xa, nhưng là ông chủ-nhiệm lẫn lộn với cuộc sống xã-hội, theo dõi thời-cuộc, đề đặt những vấn-đề thời-đại bằng ngôn ngữ của thời-đại.

Không một khía cạnh nào của thực-tại bị bỏ quên. Chính-trị, kinh-tế, giáo-dục, tôn-giáo, văn-ngệ, tất cả đều có vấn-đề và đòi hỏi những phân tách, những giải-pháp. Nhà triết-học «dấn thân» làm công việc suy-tưởng từ hiện-tại, của hoàn-cảnh thời-đại, từ thời-sự không thể không đụng chạm với những thế-lực, những quyền-bính, những thiên-kiến, những quyền lợi và do đó dĩ nhiên có thể bị đả-kích, xuyên-tạc, ngộ-nhận, oán ghét.

Sartre đã lựa chọn lối sống đó sau khi những biến-cổ trầm trọng của thời-cuộc đã thúc đẩy ông từ bỏ chức-vụ giáo sư, để trở thành một nhà báo, một nhà văn ; một nhà báo, nhà văn suy tưởng một cách triết-lý những vấn đề thời-cuộc trước mặt.

Do đó, tư-tưởng Sartre, từ giai-đoạn hai, thiết-yếu là chính trị, vì hầu hết những suy nghĩ của ông đều có đối-tượng là thực tại chính-trị và nhất là vì dự-phóng nền-tảng của ông là một dự phóng nhằm lãnh-hội thực tại đó để bày tỏ chân-lý và biến đổi nó, tuy nhiên không phải với tư cách một nhà chính-trị, nhưng như một nhà văn, nhà trí thức, không lệ-thuộc ai, không phải trình bày ai, vì không bị ràng buộc bởi những đòi hỏi của hành-động chính-trị hay

kỷ-luật đảng-phái như Raymond Bellour đã nhận định : «Sartre là người cuối cùng trong những nhà văn chính-trị Pháp». Tôi hiểu đây không phải là con người lý-thuyết, cũng không phải đây là con người viết sử, nhưng là con người của bút chiến, của phân tách căng thẳng mà thời-sự đòi hỏi, biến cố nắm lấy ; là con người của tạp-chí, đem đến một giải-đáp cho độc-giả đồng thời cho lương-tâm mình và cho chân-lý, theo nhận-định của lòng trí mình.

Một số bài báo của Sartre thật là đứng hàng đầu; nhưng trong những bài đó, luôn luôn quan-điểm là quan trọng trội bật đối với tôi, quan điểm của người sống một mình, không phải trình bày những lời nói của mình với bất cứ ai khác ngoài chính mình, quan-điểm của nhà văn, đã có thể nói được những điều mà một đảng phái không thể cho phép nói. Xúc phạm tới trật-tự chính-trị đến mức độ trở thành cô đơn và thách thức, đoạn tuyệt vì quảng đại, đòi hỏi và tài ba. Ông đã thực hiện đến cùng ý-tưởng danh tiếng : người trí thức như một công-chức của cái tiêu-cực (l'intellectuel comme fonctionnaire du négatif) (1).

Con người của một tạp-chí ! Phải chăng đó mới là con người đích thực của Sartre ?

Người quan-niệm Triết-học là những suy-tưởng vượt khỏi thời-sự và do đó sẽ còn mãi mãi, cho rằng cái giá-trị, cái sẽ còn lại mãi mãi trong tư-tưởng của Sartre, là phần suy-tưởng Triết-học với những L'Être et le Néant, L'Imaginaire, còn phần văn-chương, tiểu-thuyết, kịch,

(1) Trong bài «Homme pour homme», số Arc đặc biệt, những nhà văn bày tỏ lập trường của mình đối với Sartre, tr. 13.

thức nền-tảng, ở sự lựa chọn nguyên-ủy của người đó trong một hoàn-cảnh sống nhất định.

Không phải triết-học Descartes như một hệ-thống, một quan-niệm giải-thích vũ-trụ thực-tại là cái bất tử, cái tuyệt-đối, vì chính triết-học đó là tương đối, dễ trở thành lỗi thời, nhưng là khởi-điểm nhận-thức, thái-độ độc đáo của Descartes đã nhìn đời trong hoàn-cảnh sống riêng biệt của nhà triết-học.

« Chẳng những không chủ - trương tương-đối, mà chúng tôi còn quả quyết con người là một tuyệt đối. Nhưng nó là tuyệt-đối vào giờ của nó, trong hoàn-cảnh sống của nó, trên mặt đất của nó. Cái là tuyệt-đối, cái mà nghìn năm lịch-sử không thể tiêu diệt được, đó là điều quyết-định này không thể thay thế, và so sánh được, mà con người chấp nhận trong lúc này, từ những hoàn cảnh này... Cái tuyệt-đối, là Descartes, con người đã thoát khỏi sự lãnh-hội của chúng ta vì đã chết, con người đã sống trong thời-đại của mình, đã suy-tưởng về nó ngày này qua ngày khác, với những phương-tiện hiện có, đã xây-dựng học-thuyết của mình từ một trình-độ khoz-học, đã quen biết Gassendi, Caterus, Mersenne, đã yêu một người con gái lé mắt lúc thiếu thời...; cái tương-đối, là học-thuyết Descartes thứ triết-lý lêu lổng mà người ta dặt đi chơi từ thế-kỷ này sang thế-kỷ khác, và mỗi người tìm thấy trong đó những gì mà mình đã đề vào... »

« Không phải cứ chạy theo bất tử mà chúng ta trở thành vĩnh-cửu : Chúng ta sẽ không phải là tuyệt đối vì đã phản ảnh trong các tác phẩm của chúng ta một vài tôn-chỉ khô khan đủ trống rỗng và vô vị để chuyển qua từ thế-kỷ này sang thế-kỷ kia, nhưng bởi vì chúng ta

đã chiến đấu một cách say mê trong thời-đại chúng ta, bởi vì chúng ta đã yêu quí say mê thời-đại chúng ta và sau cùng chấp nhận chết một cách toà-điện với nó » (1)

Do đó cái còn lại, cái tuyệt đối, vĩnh-cửu ở Nhất-Linh, cũng như ở Sartre sẽ có thể không phải là những quan-niệm, học-thuyết, tác-phẩm, nhưng là dự-định đặc-biệt từ hiệu hoàn-cảnh thời-đại của họ và ý-chí muốn biến đổi nó theo những quan-niệm, lập trường mà lúc đó, thời bấy giờ, họ cho là phải. Điều mà những người hậu-thế học được ở họ, không phải hẳn là những quan-niệm sống vì đã rõ những người hậu-thế cũng phải suy nghĩ tạo ra những quan-niệm sống thích hợp với hoàn-cảnh thời-đại của mình, nhưng là một lối nhìn đời, một thái-độ bám sát vào thời đại để hiểu nó như thế nào và tác-dụng vào nó làm sao...

Còn hệ-thống triết-học, tác-phẩm là cái tương đối, chóng trở thành lỗi thời... Chính tác-giả ngay khi còn sống có thể đã phủ nhận những chủ-trương, quan-niệm của mình; Còn người đọc, không thể tránh được sự-kiếm mỗi người sẽ hiểu tác-phẩm theo lăng kính của họ, từ hoàn-cảnh của họ. Đọc Sartre, người Thiên-chúa-giáo chỉ chú trọng đến thái-độ vô-thần của Sartre, người Mác-xít, tính chất suy đồi của tầng lớp trường-giả và người trường-giả, thái độ thân cộng phi-lý của tác-giả. Mỗi người giải thích theo những gì họ đã đặt vào trong tác-phẩm của Sartre. Chính vì thế mà Sartre rất ít trả lời những phê-bình, nhất là những phê-bình đả kích, lăng mạ kiểu bè phái. Ông biết mình bị hiểu lầm, bị thù ghét oan

(1) Situations II trg 17

tình yêu, liên-đời nhân loại, có những phân tích rất sâu sắc về thân phận con người trên bình-diện lý thuyết, nhưng lại có thể mù quáng, không nhạy cảm và bất nhẫn trước những lầm than, đau khổ, nhục nhã của con người bị chà đạp, áp bức, trong những hoàn-cảnh cụ-thể là chế-độ thực-dân phong-kiến đế-quốc...

Nhưng thứ triết lý cao cả đó có nghĩa lý gì đối với những người bị áp bức, khi nó không thể ôm lấy những thực-tại cụ-thể để bày tỏ và nhằm thay đổi những thực - tại đó.

Thực ra G. Marcel cũng ghét cay ghét đắng J.P. Sartre. Nhưng không phải chỉ một mình G. Marcel, mà hình như hầu hết những người lớn. Nếu họ không thù ghét, ngộ nhận Sartre, thì cũng chỉ phục Sartre vì có tài. Trái lại, đối với Mounier, không những có thể phục, mà còn kính phục, ngay cả những người không đồng ý và chống Mounier.

Tôi nghĩ rằng Mounier là một người thánh, theo nghĩa ông luôn luôn giữ trọn những đòi hỏi của Bác-ái trong sự phê phán để không bao giờ làm cho người mình phê-bình có cảm tưởng bị xú: phạm, bị tổn thương, đau đớn, nhục nhã, hay bị thua, bị tiêu diệt. Trái lại con người của Sartre, được giới trẻ mến phục, nhưng cũng lắm chỉ được người lớn phục, mà không kính phục, vì Sartre một đằng có một bút-pháp đả-kích sắc bén không nề hà, có thể đụng chạm đến nguồn gốc sâu xa, ần náu của người bị phê bình, và đập tan ngay từ những dự-định nền tảng, động cơ thành kiến, lập trường của đối thủ (chẳng hạn bút-

chiến với Camus), đằng khác, ông bày tỏ một thái độ «bất kính», ngạo mạn với tất cả những niềm tin (tôn-giáo, chính-trị) mà những người tín-hữu (về tôn-giáo hay về chính-trị) coi là thiêng liêng, cao quý, bất khả xâm phạm. Bất kính không phải vì khinh bỉ những niềm tin đó, nhưng vì muốn sáng suốt chứ không muốn cuồng tín, hay mắc vào vòng nguy tín, an tâm. Cũng không phải đề tự cao, tự đại, vì Sartre từ chối mọi «thần phục, danh tiếng» của người đời dành cho, (từ chối giải thưởng Nobel) và từ chối luôn cả sự tự tín, tự thần phục, vì người thành thực tin rằng mình sáng suốt, mình là đích thực khi phê-bình người khác là cuồng tín, giả dối thì niềm tin đó là hình thức tế nhị nhất của sự cuồng tín, của sự giả dối. Phải cảnh-giác, hoài-nghi, phủ nhận luôn luôn chính mình, vì sự sáng suốt, lòng say mê tha thiết đến con người thời-đại của mình, sự nghiệp tranh đấu, tất cả, đều không thể cho phép ta có cảm tưởng hơn người hoặc ở trên người khác.

Nhà văn, nhà triết học, sáng tác suy tưởng không tự coi mình có giấy ủy-nhiệm của một quyền bính tối cao nào (của thượng đế, nhân loại, chân lý...) cũng không bám víu vào những gì mình làm lúc này, bây giờ mà mình cho là phải và gán cho nó một ý-nghĩa giá-trị tuyệt đối. Nhà văn, nhà triết học là một người nào đó ở giữa mọi người «giống như mọi người, đồng thời chẳng giống ai».

NGUYỄN-VĂN-TRUNG

קניין

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**

cảnh làm tình và chém giết hết sức thô bạo và dữ dằn.

Ngày nay, những cảnh khỏa thân nửa kín nửa hở, ngay cả những cảnh khỏa thân trọn vẹn, đã trở thành lạc hậu, ấu trĩ. Khán giả cần những gì gay gắt hơn, lộ liễu hoặc thô bạo hơn. Khỏa thân chưa đủ, phải làm tình, phải khiêu dâm hơn nữa mới đúng kiểu. Những hình thức khiêu dâm này đã mang nhiều sắc thái khác nhau tùy theo quốc-gia cũ g như tùy theo những nhà sản xuất phim ảnh. Tại Pháp Jean-Luc Godard đã cho ra đời phim *Week-end*. Godard đã không khiêu dâm bằng hình ảnh nhưng khiêu dâm bằng lời nói, bằng giọng kể chuyện. Trong phim trên, Mireille Darc đã qua một cuộc đối thoại với một nhà phân tâm học. Mẫu đối thoại này thuật lại những kinh nghiệm tình dục hết sức tỉ mỉ của một người đàn bà bằng những danh từ sống sượng và thô tục đến nỗi không một câu nào của cuộc đối-thoại trên có thể trích dẫn lại trên báo chí được (Pierre Billard, *Les nouvelles frontières de l'érotisme*, L'Express 3-12-67, tr. 46).

Tại Thụy-điển, những đề-tài táo-bạo lại được khai-thác dưới góc cạnh khác, phóng túng và dâm loạn hơn Vilgot Sjöman đã cho ra đời ba cuốn phim làm rung chuyển dư luận Thụy-điển. Cuốn « 491 » bàn về đời sống hư hỏng, tội lỗi của 6 tên du-đăng. Đáng lý quay trở lại với trật tự xã-hội thì bọn họ lại lao mình vào vòng trộm cướp, hãm hiếp. Phim 491 bị Ủy-ban kiểm-đuyệt Thụy-điển cắt mất 85 thước, đoạn tả cảnh làm tình giữa một cô gái và một anh chần dề người Đức. Sang đến Pháp, cuốn phim trên cũng được phép chiếu chỉ cần bỏ 85 thước phim kể trên. Cuốn phim thứ nhì của Vilgot Sjöman làm náo động Quốc-hội Thụy-điển: nó bàn về một đề tài loạn-luân. Phim *Ma sœur... mon amour*

đã trình bày một cách tỉ-mỉ những thái độ và cảm nghĩ của cặp trai gái yêu nhau trong mối tình loạn-luân. Cuối cùng, cuốn phim cũng đã được chiếu tại Thụy-điển và tại Pháp. Hai cuốn phim trên đã gây náo độ g nhưng so với cuốn phim thứ ba thì hai phim đó thực chưa thấm vào đâu. Trong cuốn *Je suis curieuse* cảnh làm tình đã diễn ra 5 lần trên màn ảnh. Diễn viên hoàn toàn trần truồng, những bộ phận sinh-dục, những cảnh làm tình từ thông thường đến kiểu-cách nhất đều được phô bày trọn vẹn, rõ ràng. Ủy-ban kiểm-đuyệt Thụy-điển cố ngăn trở nhưng lại thất bại lần nữa. Hội-đồng tư-vấn gồm nhiều phóng-viên và nhà giáo-dục (hai ông và năm bà đã lập gia-đình) đã hoàn toàn đồng ý thông qua cuốn phim không một đoạn kiểm-đuyệt nào, chỉ cấm những trẻ em dưới 15 tuổi. Phim *Je suis curieuse* đã được nhiệt liệt khen thưởng tại Stockholm và tại 14 thành-phố khác ở Thụy-điển (L'Express, 30/10/1967, tr. 56).

Điện-ảnh của Hoa-kỳ mang những đặc điểm khác. Nó cũng có những phim trần truồng, làm tình như những phim của Pháp, của Thụy-điển. Trong phim *The beard* có cảnh làm tình kỳ quặc. Phim *Amérique Hurrah* cho thấy những hình nộm không lồ làm tình với nhau. Nếu nhà sản-xuất phim Antonioni tại Ý đã cho những diễn-viên của mình hoàn toàn trần truồng trong *Blow Up* thì tại Hô-ly-út những nhà làm phim cũng cho tài-tử và minh-tinh của họ khỏa thân nửa mình trong những phim quan-trọng như *In the heat of the night* và *Bonnie and Clyde*. Trong phim *Barbarella*, Jane Fonda đã nhảy múa và khỏa thân cho tới cuối phim. Ngoài những cảnh làm tình, khỏa thân thường thấy trên màn-ảnh các quốc-gia tây-phương khác, màn-ảnh

nhưng người xem có thể chịu được, họ có cảm tưởng mình là người đứng ngoài, xem giải trí cho qua thì giờ. Trái lại với *Douze salopards* khoảng cách đó không còn nữa, họ vừa là khán giả vừa là diễn-viên, họ sống thực những tình cảm, những hành động tàn bạo tới cùng tột. Họ đi xem phim nhưng họ có cảm tưởng như bị tài-tử trên màn ảnh đâm cho một cú uppercut thật mạnh vào cằm. Họ điếng người, vừa kinh sợ, vừa giận dữ. Robert Aldrich, cha đẻ của những phim ghê tởm như *En quatrième vitesse*, *Attaque, Vera Cruz*, *Qu'est-il arrivé à Baby Jane?*, đã đưa khán giả tới tột đỉnh của kinh hãi trong *Douze salopards*. Cuốn phim nói về đoàn cảm tử có bốn phần chiếm cho kỳ được thành lũy của bộ Tham-mưu Đức trong một cuộc đổ bộ. Họ gồm 12 tên tử tù, họ được huấn luyện với những phương pháp sắt máu, tàn bạo nhất để chém giết. Nếu họ sống sót, họ sẽ được đại xá, nếu họ chết họ sẽ được lịch-sử ghi công. Qua từng giai đoạn, sự kinh ngạc đã tăng dần cho tới giờ phút chót khi 12 tên tử tù lao mình vào sứ mạng khủng khiếp. Họ đã chết hết, trong tuyệt vọng, nhưng lịch sử đã ghi công họ như những vị anh hùng, ghi ơn những người mà trước đây chính xã-hội đó đã buộc vào những tội sát nhân kinh tởm nhất. Những người sát nhân khát máu và tàn bạo nhất trở thành anh-hùng. Kết luận thật hàm hồ và cuốn phim trở thành bất hủ chính vì tính cách hàm hồ của nó.

Cùng với cuốn *Bonnie and Clyde*, cuốn *Douze salopards* đã trở thành đề-tài cho những cuộc tranh-luận sôi nổi về sự giết chóc tàn-bạo trên màn-ảnh. Bosley Crowther, nhà phê-bình của tờ *New-York Times* cho rằng những phim như

vậy reo rắc mầm mống chống-đối xã-hội, việc khai thác bản-năng chém giết nơi khán-giả sẽ làm xáo trộn xã hội, và đồ võ đạo-đức. Trước nhận-định đó, rất nhiều nhà phê-bình khác đã cho rằng phim ảnh chỉ phản-ánh một hiện-tượng đã có sẵn trong xã-hội rồi. Joseph Morgenstern của tờ *Newsweek* viết : Những phim tàn bạo là hậu quả tất nhiên của một nếp sống tàn bạo, những phim đó truyền-đạt sự hung bạo nhưng không khai-sinh ra sự hung-bạo chẳng khác gì những máy truyền-hình tại Los Angeles đã truyền đạt cảnh xô sát chủng-tộc nhưng đã không khai-sinh ra những cảnh xô sát đó. Pierre Billard của tờ *l'Express* cũng cho rằng phim ảnh trong trường hợp này không phải là nguyên-nhân mà chỉ là hậu-quả của mọi xáo trộn xã hội, nó bộc lộ mặt trái của xã-hội Hoa kỳ đang khủng hoảng vì sự lẫn át của máy móc, kỹ-thuật, vì nạn kỳ thị đen trắng.

oOo

Mỗi xã-hội có những cấm kỵ đạo-đức, tôn-giáo hay những tiêu-chuẩn tâm-mỹ, kiểm-duyet riêng biệt để duy trì cho xã-hội đó được ổn cố và phát triển bình-thường. Khi xã-hội đã biến đổi thì những tiêu-chuẩn và cấm kỵ trên cũng thay đổi theo : chúng không còn hiệu-lực hoặc không cần thiết nữa. Người ta cần những tiêu-chuẩn, những đạo-đức mới. Sự thay đổi được thể-hiện rõ ràng và ý nghĩa nhất nơi cơ quan kiểm-duyet hoặc trong những cuộc tranh-luận tại Quốc-hội, những cơ-quan chính-thức của tổ-chức công-quyền quốc-gia. Giáo-hội, chính-quyền, các hội phụ-huynh, các tổ-chức... đều

Kẻ ác người thiện

Vụ răn công của cộng-sản đầu năm Mậu Thân vào các đô-thị miền Nam Việt-Nam và trận chiến tại Khe-Sanh hiện nay làm cho thế-giới xúc động. Sự tiến bộ của các kỹ-thuật thông-tin tăng cường mỗi xúc động ấy. Cuộc đổ bộ tại Normandie hùng-vĩ ra sao, cuộc dội bom nguyên-tử xuống đất Nhật thế thảm ra sao, quần chúng trên thế-giới hơn hai mươi năm trước có thể được thông báo mau lẹ, được nghe mô tả, nhưng không được trông thấy ngay. Bây giờ, nhờ vô-tuyến truyền-hình, ở Âu-Mỹ dân chúng có thể ngồi nhà mà chứng kiến, theo dõi bằng mắt, cảnh chết chóc ở khu Hàng-Xanh Saigon, ở trong thành nội Huế.

Và đây đó, ai nấy bất bình, kêu lên : « Tại sao một cuộc chiến-tranh làm tổn thương lương-tâm nhân-loại như vậy lại chưa chấm dứt ? ». Câu nói ấy, André François Poncet đặt vào miệng một trong hai nhân-vật vô danh đối-thoại về vấn đề chiến cuộc tại Việt-Nam. Nhân-vật ấy vô danh là phải, vì anh ta có thể là bất cứ ai.

Anh ta có thể tên là Russell, là Sartre, là Dedijer, v.v..., những nhà trí-thức đã mở phiên tòa tại Stockholm hồi năm ngoái kết án Hoa-kỳ và Tổng-thống Johnson. Anh ta cũng có thể là anh hàng võ-sĩ Cassius Clay từ chối nhiệm vụ quân-dịch để chống chính-sách chiến-

tranh. Anh ta lại cũng có thể là Jean Baez, là Bob Dylan v.v..., những ca sĩ đã lên tiếng e a chế cuộc bắn giết nhau tại Việt-Nam.

?

Dur luận nhằm vào Tổng thống Johnson vì ông ta sử dụng một binh lực hùng hậu nhất, ông có trách nhiệm lớn. Thực ra các kẻ hữu-trách khác đều chia xẻ sự khốn đốn ấy. Tổng-thống Phác-Chính-Hy đi phó-hội ở Manille cũng bị nhiều báo Tây-phương mô tả như phường mặt sắt khó ưa. Người ta bảo thiếu-tướng Nguyễn-Cao-Kỳ năm nọ viếng nước Úc đã gỡ được một thành kiến: trước khi thấy ông, không biết dân Úc đã tưởng tượng ra một hình thù mặt xanh nạnh vàng như thế nào mà đến lúc gặp ông họ thở ra, nhẹ người : « Trông ông ta bất thiệp, không có vẻ gì hiếu chiến. » Bây giờ kẻ bất thiệp ấy tình nguyện vào đoàn quân Bắc-tiến, dân Úc chắc hẳn lại giận, và tự bảo: Không nên tin ở bề ngoài nữa. Những kẻ ấy dù hòa nhả vẫn sẵn sàng lao vào những hành-động làm « tổn thương lương tâm nhân loại » vô kể.

oOo

Trong trường hợp mà chuyện phải đánh nhau đã không còn gì để phân vân

ngồi ngời nứa, thì thiên hạ lại vẫn e ngại rằng một cú đánh tào đố có nặng quá đi chăng, có mạnh quá mức cần thiết chăng. Liệu không thể lựa một đòn khác, nhẹ hơn mà vẫn đủ đưa tới thắng lợi sao? Cần gì chọn cái vỏ dã-man ấy?

Mấy quả bom nguyên-tử rơi xuống Hiroshima hai mươi năm ba năm rồi, thối mốc vẫn còn. Hành động ấy có thực sự là cần-thiết chăng? Kết thúc chiến tranh bằng bom nguyên-tử và kết thúc bằng một cuộc đổ bộ lên đất Nhật, bên nào ít gây thiệt hại hơn? Ai? Kẻ nào đã xúi bầy, kẻ nào đã quyết định vụ oanh tạc ấy? Tổng thống Truman? Stimson, Bộ trưởng Chiến tranh Hoa-kỳ?

Những kẻ nào đã nhúng tay vào công việc ấy? Nhà bác học nào đã nghĩ ra, những kỹ-thuật-gia nào đã cộng-tác, đã mó tay vào việc chế tạo quả bom? Anh phi công nào đã lái chiếc máy bay tội lỗi? Sĩ quan nào đã bấm nút thả bom? Hãy phanh phui tất cả, hãy đưa hết những kẻ ấy ra trình-diện trước công-luận xem nào. Những kẻ ấy, bây giờ họ ở đâu? Họ sống khốn đốn như thế nào? Họ đã chết đau đớn ra sao? Có tin đồn rằng anh phi công nọ vào tu-viện sám-hối, lại có tin đồn rằng anh ta mắc bệnh thần kinh, điên loạn, vì quá hối hận v.v..

Phải. Những kẻ trong đời từng tham dự vào một công việc dữ tợn như thế không thể sống bình-thường, càng không đáng sống cuộc đời thú vị của những cô cậu đeo chéo cây đàn ngang ngực, mang chiếc đầu bù xù đi hát dạo, của những người làm thơ, chép sử, giảng triết học, suốt đời chẳng làm cho ai phải què chân gãy tay.

oOo

Nhân loại xưa nay nhúng tay vào máu đã nhiều lần. Nhưng không phải vì vậy

mà dễ dàng kết luận rằng con người độc ác, hiếu sát.. Cứ coi cái cách con người tự kiểm điểm những hành động chiến-tranh của mình, nhận-định phán xét kịch liệt và dai dẳng về những hành động ấy, thì đủ rõ đức nhân từ cũng mệnh mông lắm, đâu phải vừa.

Có điều nhân từ hay ác độc không hẳn tùy ở bản tính mỗi người, mà còn tùy thuộc rất nhiều vào cái cương-vị, trách-nhiệm của mỗi người. Hơn hai mươi năm trước đây, chính L.B. Johnson, chính ông Johnson ấy, hồi còn làm nghị-sĩ, đã đứng ra nhất định ngăn cản tổng thống Eisenhower và ngoại trưởng Dulles đem bom Hoa-Kỳ bỏ xuống Điện-biên-phủ. Hồi đó, ông ta là người phản-đối chiến-tranh. Ông ta đã thành công. Ông ta rút được một kinh nghiệm để hai mươi năm sau đem ra dùng, nhờ đó lần này ông ta cũng thành công nữa: quyết định dội bom Bắc Việt mà không để cho nghị-viện kịp ngăn trở.

Coi vậy đâu phải lúc nào ông Johnson cũng ham đánh nhau.

Ông Johnson, bây giờ ông ấy bị công kích nhiều quá nên biện-minh cho ông hơi khó. Nhưng về phần các nhà lãnh đạo xứ Ấn-độ thì không ai ngờ vực họ được: đích thị đó phải là những người yêu chuộng hòa-bình nhất, họ chủ trương trung lập, hô hào giải quyết mọi tranh chấp bằng điều đình thương thuyết, không xâm phạm ai, không chống trả bằng vũ lực, không quan-tâm tới vấn đề chế-tạo vũ khí tối tân; họ bài bác, công kích, phản đối, kết án mọi cuộc xung đột trên thế-giới. Thế nhưng trong vụ Cachemire ba năm trước đây, tất cả những vị ấy, từ Tổng-thống, Thủ tướng cho đến các vị Bộ-trưởng, họ đều giận tái người, chồm chồm lên, muốn nuốt

bất thường hay mang những chứng bệnh kỳ quặc ? Nhiều nhà sinh vật học, Jean Rostand, Charles Richet, Lucien Cuénot, Muller v.v... lo lắng cho tương lai của giống người. Có kẻ đề nghị những biện pháp tước quyền truyền giống của các phần tử mang nhiều khuyết điểm hoặc về tinh thần hoặc về thể xác.

Người y sĩ chịu trách nhiệm đối với từng cá nhân chỉ biết chăm nom cá nhân. Nhà sinh vật học quan tâm đến cái sức khoẻ của cả chủng loại thì lại phản nản rằng y sĩ làm hỏng giống người đi. Mỗi người, trong cương vị của mình, đều suy nghĩ và hành động theo trách nhiệm mình. Thế rồi một dụng ý tốt ở chỗ này lại đưa tới hậu quả xấu ở chỗ kia.

Người cầm quyền chính trị chịu trách nhiệm đối với một tập thể trung gian giữa cá nhân và chủng loại : quốc gia. Ông ta chăm nom lo lắng cho cái tập thể ấy, và đôi khi phải quyết định những điều

có hại đến tính mạng của nhiều cá nhân cũng như đến sự an toàn của nhân loại. Từ phía này cũng như từ phía kia, thiên hạ nhắm vào ông ta mà trách cứ.

oOo

Chúng ta càng đán nhau thế giới càng sốt ruột, càng khó chịu vì sự bưng bình của những người trong cuộc. Và khốn khổ cho những kẻ cầm quyền các quốc gia tham chiến : họ gồm có một số ít, sẽ phải làm mục tiêu cho sự bất bình của mọi người. Bởi vì tất cả mọi người, nam phụ lão ấu, đều có thể tự trao cho mình trách nhiệm che chở cái lương tâm nhân loại đang bị tổn thương, từ nhà triết-học, ông mục sư, cho đến anh võ sĩ, cậu hát rong, đến những chú bé mười sáu mười bảy tuổi vừa gõ cán dù vào đầu ngoại trưởng Tây Đức Willy Brandt v.v... Và những người đạo đức ấy sẽ còn đó, mãi mãi để làm công việc bất bình, chê trách, phản đối : họ không có nhiệm kỳ.

VÕ PHIẾN

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D.P.Đ.C

vài nét chính của

Văn-học Trung-quốc hiện-đại

Người ta thường bảo dân-tộc Trung-Hoa là một trong những dân-tộc thủ cựu nhất thế-giới, vào hạng Thô-Nhi-Kỳ. Lời đó không còn đúng nữa và tôi ngờ rằng lời ngụ ngôn trong Thách-kình : Thủy tổ loài người tạo bằng đất sét, có phần đúng hơn. Văn-hóa có thể nặn con người ra sao cũng được. Chỉ cần một nhóm người cương quyết có một đường lối rõ rệt, có đủ phương tiện là trong một vài thế-hệ, tính tình, nếp suy tư, tập quán, nếp sống của một dân-tộc có thể thay đổi hẳn.

Mới từ đầu thế-kỷ đến nay, nước Trung-Hoa từ một chế-độ phong-kiến, từ tình-trạng bán thuộc-địa đã tiến tới chế-độ độc-tài vô-sản, lãnh-đạo một số dân-tộc theo cộng ở Châu-Á mà nhảy lên địa-vị cường-quốc thứ ba trên thế-giới. Sự biến-chuyển lớn lao đó, như Monsterleet đã nhận xét, phần lớn là do công lao của các văn nghệ-sĩ ; họ đã cải hóa tính tình của thanh-niên, chuẩn-bị cho cuộc chiến tranh chống Nhật, dọn đường cho cộng-sản và tạo nên nước Trung-Hoa mới.

Trong giai đoạn đầu từ 1898 đến 1916, giai đoạn giao thời, mới chỉ có những cải cách rụt rè. Các nhà lãnh-đạo phong-trào duy-tân đều là những nhà Nho ái-quốc, tiến bộ, có chút tư tưởng mới như

Khang-Hữu-Vi, Lương-Khải-Siêu, Đàm Tự-Đồng, Hoàng-Tuân-Hiến... Họ vẫn muốn giữ cái bình cũ, đánh bóng, lau chùi nó lại một chút, để chứa một thứ rượu mới nhập-cảng ở phương Tây, sau khi chế biến qua loa cho hợp khẩu-vị dân chúng.

Giai đoạn thứ nhì, 1917-1927, mới thực là giai đoạn cách mạng. Ngọn cờ chuyển qua tay các nhà tân học ở Nhật hoặc Âu, Mỹ về. Ta lấy cái bình cũ (văn ngôn) không thể chứa rượu mới được, bọn Hồ Thích, Trần Độc Tú thay nó bằng cái bình mới (bạch thoại). Rượu cũng mới hơn, nồng hơn một chút. Người ta cổ xúy một thứ văn học mới để truyền bá thực hiện chủ trương dân chủ mới. Các văn nhân hăng hái áp dụng kỹ thuật phương Tây trong việc sáng tác và chỉ mới thành công về loại truyện ngắn : Lỗ Tấn, Diệp Thiệu Quân, Băng Tâm, Úc Đạt Phu ..

Cuối giai đoạn này ta đã thấy xuất hiện hai khuynh hướng, một thiên hữu : Hội Nghiên cứu văn học, một thiên tả : Nhóm Sáng tạo.

Qua giai đoạn sau 1928-1937, giai đoạn trưởng thành, văn học phát triển rất mạnh : có đủ các khuynh hướng : hữu, tả, trung đạo, độc lập. Người ta tranh

luận nhau sôi nổi. Xét chung thì phe tả hơi thắng thế.

Người ta thành công trong mọi thể : truyện ngắn, truyện dài (Mao Thuấn, Lão Xá, Thầm Tòng Văn, Trương Thiển Đức, Ba kim, Đinh Linh...), kịch (Tào Ngu, Quách Mạt Nhược), thơ (Từ Chi Ma, Văn Nhất Đa, Biện Chi Lâm) tạp văn (Lỗ Tấn, Chu Tác Nhân, Lâm Ngữ Đường...).

Giai đoạn thứ tư, 1937-1949, tả hữu liên hiệp với nhau để chống Nhật : phe tả vẫn đông hơn, hăng hái hơn, gồm nhiều tiểu thuyết gia có tài hơn. Chiến tranh mới kết liễu, họ lại chia rẽ, tả đứng trong hàng ngũ của Mao Trạch Đông, hữu đứng về phe Tưởng Giới Thạch. Nội chiến phát sinh, và năm 1949 Mao chiếm được trọn lục địa, Tưởng phải chạy qua Đài Loan.

Sự sáng tác kém về phẩm : người ta đặt mục tiêu tuyên truyền, cứu quốc lên trên hết, nên tính cách hiện thực sút giảm, đại đa số tác phẩm chỉ có một công dụng nhất thời. Các nhà văn lớp trước vẫn còn uy-tín ; một lớp nhà văn mới xuất hiện ở vùng cộng (Ngải Vu, Triệu Thụ Lý, Lý-Quý, Đỗ Bằng Trinh, Dương Sóc...) và ở vùng bị Nhật chiếm đóng : Thượng-Hải, Nam-Kinh, Hương-Cảng (Tiền-Chung-Thư, Sư-Đà, Trương-Ai-Linh).

Tác-phẩm ở vùng Quốc tuy phục-vụ chiến-tranh nhưng còn chú-trọng ít nhiều tới nghệ-thuật ; tác-phẩm ở vùng Cộng, tuyên-truyền mạnh hơn, kỹ-thuật kém hơn ; còn tác-phẩm ở vùng Nhật chiếm đóng, không chú trọng tới chính-trị mà chỉ đeo đuổi nghệ-thuật.

Từ 1949, đa số văn nghệ-sĩ ở lại Hoa lục và nhận sự chỉ huy văn nghệ của Mao Trạch Đông, dùng cây bút phục vụ

nông, công, binh, trở lại những « hình thức dân tộc », sáng tác tuy nhiều, nhưng đều theo công thức. Gần như năm nào cũng có những cuộc hội nghị để định lại đường lối, hoặc để đấu tranh tư tưởng, khai trừ những văn nghệ-sĩ còn giữ tinh thần cá nhân. Giai cấp vô sản đã bắt đầu sáng tác, được khuyến khích nhiệt liệt.

Còn ở Đài-Loan, không khí thật yên tĩnh : chính-phủ không quan tâm tới văn nghệ mà văn nghệ-sĩ cũng chán nản, rời thực tế mà mơ mộng hão huyền, cơ hồ như thiếu lý tưởng. Trong mười năm, từ 1949 đến 1959 chỉ có được một tác-phẩm của Khương-Quý và vài tác-phẩm của Trương - Ai - Linh là có giá trị, mà Ai-Linh lại ở Hương-cảng.

Trong mấy năm gần đây từ 1960 trở đi, hình như ở Đài-Loan, văn học đã khởi sắc một chút : một số tác-giả trẻ đã thí nghiệm những khuynh hướng mới của Âu-Mỹ, nhưng họ lại Âu-hóa quá, không được phổ-biến rộng trong dân-chúng.

— Ở Hoa lục, người ta vẫn theo đường lối Mao Trạch Đông, chỉ phục vụ vô sản. Từ 1949 Mao đã nói :

« Trong thế giới hiện đại, bất kỳ văn hóa hay văn học nào cũng thuộc về một giai cấp, một đảng nào đó, theo một đường lối chính trị nhất định nào đó. Nghệ thuật vị nghệ thuật, nghệ thuật vượt lên trên giai cấp, nghệ thuật không tùy thuộc sự diễn tiến của chính trị, thứ nghệ thuật đó, thực ra không có » (1)

Hiện nay — 1966 — đang có một cuộc thanh trừng lớn lao trong giới văn nghệ sĩ cũng như trong mọi giới khác, Quách-Mạt-Nhược ngoài bảy chục

(1) Theo Monsterleet.

bỏ chữ Nôm để dùng Quốc-ngữ thì người dân nào học độ một hai tháng là cũng đọc được, viết được, như vậy văn học của ta phổ-biến rất mau, đuổi kịp và sau này có thể tiến hơn họ nữa, nếu từ nay đến cuối thế kỷ họ vẫn chưa tìm cách la-tinh-hóa văn tự của họ.

cOo

Đó là xét về những điểm dị đồng căn bản. Dưới đây chúng tôi đối-chiếu hai văn-học về phương-diện biến-chuyển. Vấn đề này rất thú-vị, nhưng phải đợi khi nào chúng ta có đủ tài-liệu, để nghiên-cứu kỹ văn-học Trung-Hoa hiện đại rồi, mới có thể phân tích và tổng-hợp được. Hiện nay chúng tôi chỉ có thể cảm vài bông tiêu thôi.

Phong-trào Đông-Kinh Nghĩa-Thực năm 1908 của mình chắc chắn là một tiếng vang của phong-trào Duy-Tân năm Mậu Tuất (1898) của họ, nhưng kém màu sắc chính-trị vì mình lúc đó mất chủ-quyền, triều-đình Huế chỉ là bù nhìn. Cả hai phong-trào đều do nhà Nho lãnh-đạo và đều bị đàn áp sau một thời gian ngắn hoạt-động sôi nổi, gây ảnh-hưởng lớn trong dân chúng, Các cụ trong Nghĩa thực đều đọc sách của Khang Hữu Vi, Lương Khải Siêu và cũng như Khang, Lương rất thích tư tưởng của Montesquieu, Jean Jacques Rousseau. Các cụ không hoàn toàn thất bại, ít nhất cũng đã cảnh tỉnh nhân dân và thúc đẩy nhà cầm quyền phải sửa đổi chính sách, theo tân học mà bỏ khoa cử : Trung Hoa năm 1905, ta năm 1915 trễ hơn họ mười năm ; nên đề ý : phong trào duy tân của ta cũng phát sau họ mười năm.

Năm 1917 mình không có cuộc vận động văn học như họ như trên tôi đã nói ;

nhưng khi Hồ Thích và Trần Độc Tú giờ cao ngọn cờ cách mạng thì ở bên mình, những nhà có tân học như Nguyễn văn Vĩnh, Phạm Quỳnh cũng đứng ra lãnh đạo văn hóa. Tất nhiên, vì hoàn cảnh, hai họ Nguyễn và Phạm không thể ví với hai họ Hồ và Trần được. Từ đó văn học của ta cũng như của Trung Hoa chịu ảnh hưởng mỗi ngày một đậm của văn học phương Tây.

Giai đoạn trưởng thành của hai nền văn học mới đo gần như chồng lên nhau và cùng ngắn ngủi như nhau : khoảng mười năm : họ, từ 1928 đến 1937 ; ta từ 1930 đến 1939. Trong mười năm ấy, cũng như họ, tiểu-thuyết của mình tiến mạnh nhất, rồi tới thơ, kịch. Tiểu-thuyết gia của mình cũng đả đảo hủ tục, chế độ phong kiến, chế độ đại gia đình và cũng chiến đấu cho tự do luyện ái.

Hình ảnh cô Mai (trong truyện Hồng của Mao Thuấn) rất quen thuộc với chúng ta mà hình ảnh bà Tuần (mẹ chồng cô giáo Minh của Nguyễn-Công-Hoan) chắc cũng không xa lạ gì với họ.

Vì bị thực dân kiểm-duyet gắt gao, chúng ta không có những tạp văn giọng phần uất và cay độc như của Lỗ-Tấn. Nhưng Tự-Lực văn-đoàn cũng đã dùng những hí-họa để đả-kích nhiều nhân-vật, nhiều hủ-tục. Phong trào tả-khuynh của ta không thể phát triển được một cách công khai, mãi đến năm 1936, đảng xã-hội lên cầm quyền ở Pháp, nó mới lấp ló một chút trong tác phẩm của nhóm Hàn-Thuyên, nhưng cuộc tranh luận về nghệ-thuật vị nghệ-thuật hay vị nhân-sinh cũng sôi động lên trong một thời.

Văn học khiếm trách của mình cũng kém họ (họ có một truyền thống từ mấy thế kỷ trước), nhưng không phải là vắng bóng hẳn : Vũ-Trọng-

cuối Đường nhóm duy-mỹ lại mạnh lên.

Từ Tống trở đi, hai chủ trương đó thay phiên nhau lên xuống. Khi « tái đạo » quá thịnh, văn học hóa khó khăn, vô sinh thì tự nhiên sinh ra phản ứng và « duy mỹ » lên thay; « duy mỹ » bắt đầu suy, hóa ra sáo, rỗng, đòi truy thì « tái đạo » lại đứng ra văn cứu; cứ như vậy, vừa chống đối nhau mà lại vừa bổ túc nhau như dương với âm.

Cuối đời Thanh, Trung-Hoa đã suy bại đến cực điểm, việc cứu quốc thành khẩn thiết, thành vấn đề tồn vong của dân-tộc, những người ái quốc, có nhiệt huyết, có tài năng, không thể thờ ơ với thời cuộc được. Họ dùng văn-ngệ để cứu quốc trước đã, như Tồ tiên họ ở thời Tiên Tần.

oOo

Vị nhân-sinh là một mục đích cao cả và tự nhiên, mà không phải hễ vị nhân-sinh thì không có nghệ-thuật: bầy có là đời Chiến-Quốc, đời Hán, đời Đường và các đời sau cũng vậy, đời nào cũng có những tác-phẩm vị nhân-sinh mà bất hủ. Tất nhiên khi chú trọng về « tái đạo » quá, người ta có thể coi thường « cái mỹ » và như vậy tác phẩm chỉ có giá trị tuyên truyền, không có ích về phương diện nghệ thuật, mà cũng ít có công hiệu về phương diện xã hội, vì không truyền cảm.

Cho nên ngay những nhà phê bình Cộng sản cũng nhắc các nhà văn phải lưu tâm tới nghệ thuật, hơn nữa phải nghiên cứu nghệ thuật truyền thống hoặc nghệ thuật ngoại lai để rút kinh nghiệm (Cộng sản đã nghiên cứu nghệ thuật *Thủy hử*, *Hồng lâu mộng*, *A Q.* đặc biệt về phương diện tạo nhân vật điển hình). Họ muốn dung hòa cả hai: nhân

sinh và nghệ thuật, nhưng họ vẫn trọng nhân sinh hơn, trọng cái tới mức bắt các văn nghệ sĩ phải theo lối nhận xét, suy tư chung, áp dụng những nguyên tắc chung về kỹ thuật, chấp nhận một số công thức chung, từ bỏ những tư tưởng, cảm xúc cá nhân. Như vậy văn nghệ sĩ tất nhiên sa vào cái tật tôn trọng giáo điều, nhà cầm quyền lại phải phê phán sửa sai họ, để diệt tinh thần giáo điều. Nhưng nếu diệt tinh thần giáo điều thì tinh thần cá nhân lại nảy nở. Rốt cuộc họ tìm cách tránh né cách nào, mâu thuẫn cũng vẫn còn, vì nó nằm ngay trong căn bản. Như chúng tôi đã nói, làm văn nghệ sĩ ở vùng Cộng, khó khăn và nguy hiểm hơn đi trên dây.

Văn nghệ phải thành thực mới hay, phải đa dạng mới quý, nếu chỉ phục vụ chính trị thôi thì văn học cổ Trung Hoa không có *Tì bà hành*, *Trường hận ca*; văn học Pháp hiện đại không có *A la recherche du temps perdu* và văn học Việt Nam không có *Kiều*, vì người ta muốn giảng cách nào, muốn lý luận, dẫn chứng ra sao thì *Kiều* vẫn là một truyện có tính cách tiêu cực, duy tâm, tả sự chống-đối vô vọng của con người với sự khắt khe của vận mạng:

Bắt phong-trần, phải phong-trần,

.....

Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài.

Vì không sao giải quyết được những mâu-thuần nội tại đó, đúng hơn là không sao dung-hòa được một cách hoàn-hảo chính-trị với nghệ-thuật, cá nhân với xã-hội, nên họ luôn luôn phải xét lại đường lối văn-ngệ, luôn luôn sửa sai, luôn luôn thanh-trừng.

Họ cho rằng tại các văn nghệ-sĩ tiểu tư-sản nặng tinh thần cá nhân quá nên

Quan-niệm cơ-cấu

trong các khoa-học nhân-văn

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 267-268)

2. — Ngôn ngữ như một cơ-cấu

De Saussure nhấn mạnh về tính-chất « tiếp tục theo đường thẳng » của những lý-hiệu ngôn-ngữ. Thí dụ câu : « Ngày mai anh phải thanh-toán xong » gồm 7 từ-tổ liên-lạc mật thiết với nhau từ này tiếp theo từ kia để đúc nên một ý-nghĩa : đặt riêng ra, mỗi thanh-âm không có nghĩa nhất định nào hết. Nhân đó ngôn-ngữ-học dạy rằng mỗi từ (mơ) được liên-lạc với những từ khác theo hai thứ tương-quan khác nhau : *tương-quan đồng tại* (rapport syntagmatique) và *tương-quan liên-tưởng* (rapport associatif). Tương-quan đồng tại nối kết nhiều từ, nhiều phần câu hoặc nhiều câu lại với nhau để làm thành một cái gì tự nó đứng được : thí dụ « ba tôi », « anh đi thì đi », « họ làm như thế là bậy, vì nghịch với kế-trước ». Tương-quan đồng tại làm cho các từ trong một đơn-vị ngôn-ngữ có ý-nghĩa, vì nếu tách rời ra thì chúng không có nghĩa gì nhất định. Thí dụ « ba tôi » thì có nghĩa, còn khi chỉ nói « ba » (trừ khi tôi thực-hành việc kêu gọi ba tôi, hay kêu anh Ba : nhưng đó là thoại-ngữ, không phải ngôn-ngữ) hay nói « tôi », thì không ai hiểu mình muốn nói gì. Mệnh-đề « Ngày mai

anh phải thanh toán xong » cũng thế : tất cả 7 từ này liên kết thành một thực-thể duy nhất, và chỉ khi đó chúng mới có nghĩa ; còn như nếu cắt riêng ra từng từ, thì chúng không còn nghĩa gì rõ ràng nhất định. Ngày có thể là ngày tháng hay ngày đêm, mai có thể là hoa mai hoặc mai-táng v.v...

Như vậy tương-quan đồng-tại là tương-quan *hiện-tại*, cũng gọi là tương-quan vật-thể nơi những từ của câu nói. Còn tương-quan liên-tưởng là tương-quan giữa một từ và những từ khác do trí nhớ ta có thể làm sống lại : chẳng hạn chữ « thanh-toán », có thể gợi lên nào là toán-học, nào là trả nợ, nào là kế-toán, nào là thù-tặc. Khi ăn nói, con người có thể lựa trong những từ mà tương-quan liên-tưởng cung cấp đó một từ nào thích ứng với thái-độ của mình hơn. Tuy nhiên, như ta sẽ xem dưới đây, sự lựa chọn này được thực hiện một cách vô-thức.

Khi phân-tích cơ-cấu của một ngôn-ngữ, chúng ta thực hiện sự phân-tích ở cả hai bình-diện : trước là phân-tích chính dữ - kiện ngôn ngữ, tức câu nói hoặc văn-kiện nào đó (bình-diện tương-

Con người sinh ra ai cũng có khả năng âm-ngữ (langage). Nhưng mỗi người chúng ta đứng trước một hoàn-cảnh và muốn thông-đạt ý-tưởng của ta cho tha-nhân, thì ta lựa lấy những từ thích-ứng để phát-biểu. Bản-chất của tư-tưởng thì hỗn-mang và mung-lung, và nó chỉ trở nên rõ rệt khi ta dùng ngôn-ngữ để nói lên thôi». Thế nhưng ngôn-ngữ luôn làm công việc « cắt tĩa » (découpage), nghĩa là cắt một thực-tại duy nhất thành những yếu-tố và phát-biểu mỗi yếu-tố bằng một âm-thanh. Khi ta nghe một ngoại-ngữ ta chưa học, ta có cảm giác như đó là một dàn âm-thanh (chaîne phonique) bất phân; rồi khi bắt đầu hiểu ngoại-ngữ đó, ta thấy dàn âm-thanh đó được cắt thành những tiếng dài ngắn nhất định. Nhân đó, mỗi từ là một khúc, một đoạn của dàn âm-thanh làm nên cả câu nói (De Saussure. Sđ trg 146: « Une tranche de sonorité qui est, à l'exclusion de ce qui précède et de ce qui suit dans la chaîne parlée, le signifiant d'un certain concept »). Ngữ-học thường nói: ngôn-ngữ khác với sự nhìn của con mắt: mắt nhìn thực-tại trong một nháy mắt, trong một thời-gian vi phân; trái lại, ngôn-ngữ chỉ có thể diễn-tả thực-tại bằng những âm tiếp nối nhau trong thời-gian theo đường thẳng. Đường thẳng này chính là dàn âm-thanh, và trong đó mỗi từ là một khúc vậy.

Trên đây chúng ta vừa tìm hiểu tại sao ngôn ngữ lại được De Saussure định-nghĩa là một hệ-thống những giá-trị thuần-túy. Bây giờ đi sâu vào quan-niệm cơ-cấu, ta thấy nhà ngôn-ngữ-học Thụy-sĩ nói: ngôn-ngữ thành bởi những âm-tổ và mỗi âm-tổ « là một cái gì có tính chất đối-lập, tương hệ và tiêu-cực » (chaque phonème est une entité oppositive, relative et négative). Muốn hiểu câu này

nhớ rằng đối với ngữ-học thì mỗi âm-tổ không có nghĩa nào nhất-định, và nó chỉ có nghĩa khi được đặt vào hệ-thống của một dàn âm-thanh toàn bộ.

De Saussure viết: « Trong ngôn-ngữ chỉ có những dị biệt » (Sđ trg 166: « Dans la langue il n'y a que des différences »). Nghĩa là chỉ có những đối-chiều thôi, không có gì là tự-nhiên và tuyệt đối. Mỗi tiếng có nghĩa không phải vì âm của nó nhất định và tự nhiên có nghĩa như thế, nhưng nó có nghĩa như thế vì những tiếng, những từ khác trong ngôn-ngữ làm cho nó có nghĩa như vậy. Nhân đó khi phân-tích, nhà ngữ-học không bao giờ chú trọng đến từng âm và từng từ, nhưng luôn chú ý đến những âm và những từ khác của ngôn-ngữ đó.

Đối lập là như thế, còn tính chất tương-hệ là gì? Khi nói dị-biệt và đối-lập, ta mới chỉ nêu lên sự-khác nhau giữa những âm và những quan-niệm tương-ứng thôi. Chẳng hạn ta dùng tiếng « cô » để chỉ người em gái của cha, và « chú » để chỉ người em trai của cha: tự nhiên, nghĩa là tự chúng, tiếng cô không ăn nhằm gì với người em gái của cha và tiếng chú không tự nó nói lên người em trai của cha; nhưng đã dùng « cô » thì không được dùng « chú » để chỉ cùng một người. Vậy tương-quan đối-lập là tương-quan giữa một từ và những từ khác theo phương-diện gọi tên sự vật. Còn như tương-hệ là tương quan đúc kết những từ trong một câu lại thành một hệ-thống duy nhất, một tư-tưởng duy nhất. « Đối-tượng của ngữ-học là một thứ tự có cơ-cấu (une classe structurée), tức một tương-quan giữa nhiều âm thanh. Đối-tượng khoa-học ở đây là toàn bộ cơ-cấu vậy. »

Những chuyến đi

Con đường tìm đến quê hương

Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều

(Xin xem B.K. T.Đ. từ số 265-266)

Tuy chỉ ngủ được trên dưới bốn tiếng đồng hồ, nhưng nhờ phòng ấm và yên tĩnh, tôi nghe sức mình có thể tiếp tục được thêm một đêm trình diễn nữa. Nhớ đến ác mộng hôm qua, trước khi đi tôi cần phải cẩn thận: điềm tâm đầy đủ, đồ lạnh kỹ càng và nhất là dự bị tinh thần chịu đựng; rủi gặp trường hợp « tiếp ngồi » trong lãnh khí nữa thì tinh thần và thể xác mình không bị vật ngã.

Xong đâu đấy, chúng tôi gởi lời chào và cảm ơn ông bà S.N., ơn nghĩa ch bếp, anh bồi rồi đem hành-lý ra xe.

Trời sáng tỏ, bây giờ tôi mới nhận ra biệt-thự nằm ở một góc trong vùng đất mệnh mộng, có đồi cỏ, rừng thông, vườn hoa và trang-trí những dụng-cụ giải trí về thể-thao dành cho mùa hè rất sang đẹp.

Trước quang cảnh đó, tôi liên tưởng đến đời sống thiên hạ ở Paris. Chỉ một miếng đất nhỏ, người ta xây cất nhà cửa đầy nghet, chen chúc. Nhà càng cao, càng có nhiều phòng, chứa được nhiều người chừng nào càng hay chừng nấy. Những ngấn nhà nhỏ chõng chất lên nhau cao cho đến nỗi người ta không còn có thể gọi đó là nhà là lầu hay building được nữa mà nó được mang tên mới là « tour » (tua), « tua chuồng thỏ » hay « tua hộp quẹt » !

« Tua » ở đây thật đúng nghĩa đó bạn à. Là « tua », vì rủi hôm nào thang máy hư, điện hỏng hay nhân-viên sở phát-điện lằm reo thì mình làm « tua » đi xuống đã gần rụng lả cặp chơn, nói chi phải làm « tua » đi lên ! Cỡ bậc và tôi chắc chỉ đứng dưới đất nhìn lên làm « tua » bằng mắt không cũng đủ trặc cổ. Trường hợp có nguy biến hay hỏa hoạn thì có nước tử.

Là hộp quẹt, vì sống trong những căn phòng vừa nhỏ vừa thấp, đóng cửa phòng lại người ta có cảm giác bị nhốt trong hộp quẹt ! Hai ba bốn nhà đầu mặt vào nhau cửa im im trở ngổ ra thang lầu hay hành lang tối om, năm thì mười họa, những người chủ nhà chui ra cùng một lúc mới gặp được nhau, mặt ai cũng quạo đeo, mặt mồi và thiếu cả sinh khí.

Là chuồng thỏ, vì sống trong ấy, người ta có cảm giác bị treo lơ lửng trong một thứ chuồng đủ tiện nghi, sống cách biệt với con người, với cuộc đời và với thiên-nhiên. Suốt tháng năm dài bị nhốt trong những tường dày, không có thể tựa cửa nhìn được trời, trăng, sông, ruộng, không đi dạo mát hay trồng trọt gì được cả.

Tôi mãi suy nghĩ trường giang đại hải mà xe đã ra giữa thành-phố tìm con đường cũ đến nhà bà De Vençay. Bà mời chúng tôi đến dùng cơm trưa, đàm-đạo với bà rồi sẽ đi Berney vì từ Pont Audemer đến Berney chỉ ngót 40 cây số ngàn.

Bà S.N. có vẽ đường tắt cho chúng tôi đi mau đến nơi khỏi lạc như hôm qua, mà ngược lại với ước-đoán của bà, chúng tôi bị lạc nhiều hơn nữa. Vì lối đi bà chỉ phải đi ngang qua nhiều con đường nhỏ cong queo trong xóm. Cũng may là khi thấy đến giờ chúng tôi đi, bà vội vã lái xe từ sở về nhà để từ già chúng tôi, nhưng về đến nơi thì khách đã đi xa. Ba rượt xe theo gấp chúng tôi lạc, đang hỏi thăm đường, bà dẫn chúng tôi ra khỏi thành-phố rồi mới cho xe nép vào lề vẫy tay từ già chúng tôi rất là quyến-luyến.

Suốt đêm qua không mưa nhưng gió dữ và lạnh gắt nên sáng ra nước mưa đọng hai bên đường đặc lại thành nước đá sáng loáng như kiếng. Trời lại bắt đầu lâm râm, nước đá chưa kịp tan hết mà đường lại ướt thêm thật là nguy hiểm cho việc lái xe. Cầm tay lái không kỹ hoặc vô ý thắng gấp quá là xe quay vòng liền; có thể đụng vào xe khác, lúi vào gốc cây, cột đèn hay lật xuống ruộng dễ dàng. Bốn bánh xe khời trên « verglas » (lớp băng mỏng trên mặt đất) trơn trượt, dầu mình cho xe chạy chậm, xe vẫn bị đảo kinh khủng; mình nghe như bồn mạng mình không được bảo đảm chút nào. Các ông tài xế nhìn nhau rùn vai trề môi không bằng lòng ông trời, nhưng tôi thì tự thấy mình quá sung sướng; nhờ bụng no và cái khăn vừa dài vừa dày nên không bị lạnh cóng như hôm qua.

Đến nhà bà De Vençay mưa càng nặng hột, lạnh càng tăng gia. Chị bonne lần này đã quen ý khách nên bếp sưởi đầy ắp than hồng trong đó sẵn sàng hai miếng gạch đỏ ối. Chiếc bàn ăn cũng được đẩy lại gần bên lò sưởi và khi tôi vừa ngồi vào bàn ăn thì gạch nóng được đặt ngay dưới chân. Thấy mình được cưng quá, dầu có còn lạnh, tôi vẫn không dám hờ môi.

Bà De Vençay hôm nay tận tình đãi khách, từ thịt, rau, khoai, trái cho đến trứng, fromage, đều là sản-phẩm của nhà mà món pâté trợn nắm thơm cũng do chính tay bà làm lấy.

Bà nhắc lại đêm trình-diễn, tỏ ý thích chúng tôi lắm. Bà mời chúng tôi đến hè xuống ở chơi với bà một tháng hay ít nhất cũng vài tuần.

Nghe bà mời mà thêm được nghỉ ngơi, nhưng đâu phải người nào sanh ra cũng dễ thụ hưởng phải không bạn? Tôi không tiếc cho tôi vì mùa hè, bãi trường, nội việc tính toán cho các con tôi đưa đi làm hè miền biển, miền núi, đưa đi trại hè, đưa đi ngoại-quốc học sinh-ngữ, thêm cùng bao nhiêu công việc khác đã làm cho tôi điên đầu, có rảnh đâu mà đi nghỉ hè. Nhưng thấy cách sống của

bà và bà S.N. cùng bao nhiêu người giàu có khác làm cho mình nhớ đến bất công đầy dẫy.

Gia-đình chỉ có một vài nhân mạng mà nhà rộng mênh mông năm bảy gian, đất cò bay thẳng tắp, lại còn nhà mát ở vùng núi cao biển rộng, trong khi đó biết bao nhiêu người gia-đình dư chực mà chỉ có vài phòng nhỏ hẹp.

Ai cũng là người, cũng một sức làm việc, một cuộc đời như nhau, vậy mà kẻ thì kiếp sống lúc nào cũng bùn vầy nước đọng, ăn ở như chuột, như gián, còn người thì sung sướng như vua chúa, như chim đại-bàng giã ỉng thẳng cánh mà vẫn còn giang-sơn tứ phía bao la.

Cơm xong, tôi nói với anh Trần nên đi sớm đến chỗ ngụ mới nghỉ ngơi, kéo một đồn dập thêm một bữa nữa sợ tối đến trình-diễn không xuất sắc được. Bà De Vençay viết một bức thư đưa chúng tôi trao lại cho thư-ký ban tổ-chức đêm trình-diễn ở Berney, vì ban tổ-chức này nhờ bà Vençay mời chúng tôi trình-diễn tại đây và cô thư-ký có bổn-phận lo chỗ ăn ở cho chúng tôi. Xong, bà tiễn chúng tôi ra cửa dưới cơn mưa trút nước với hy-vọng gặp lại chúng tôi vào mùa hè sắp tới.

Xe lùi ra cổng. Trước mắt tôi, một bà lão tóc bạc phơ, đứng giữa khung cửa sắt đen ngòm của một tòa nhà đồ sộ, giữa đồng hoang với chị bonne già, mà lòng vẫn sôi nồng hoài bão về đời sống tương lai trong tinh thần của đám trẻ thơ. Tôi thấy hình ảnh đó tượng trưng cho một sức sống im ỹ mạnh mẽ, nhẫn nại và chứa đựng đáng phục. Mỗi khi tôi chán, tôi mệt với cuộc sống, hình ảnh này hiện ra trước khung cửa hồn tôi.

Từ bây giờ cho đến lúc trình diễn còn ngót 8 tiếng đồng hồ nữa. Trong thời gian đó, chúng tôi làm gì để giết thì giờ, nếu phải gặp cái cảnh hôm qua, ngồi cuống cả chơn mà không đến được chỗ ngụ mới để nghỉ ngơi? Trời mưa, mình yếu, mệt, chuyện đi dạo phố, gửi bức ảnh cho bạn bè trong một chuyến đi đôi ba ngày không thành vấn đề, mà việc chúng tôi nghỉ lấy sức chịu đựng đến 1 giờ khuya và được đàn trước khi trình diễn mới là cần thiết.

Như bạn thấy, từ trước đến nay chúng tôi đi xa và trình diễn một vòng ở nhiều nơi nên chương trình đi và ăn ở mỗi ngày chúng tôi đều biết trước. Chuyện đi này không xa và chỉ có ít ngày nên chúng tôi khinh thường. Nay đến rồi mới thấy nhiều bất tiện. Cũng tại mình đau yếu mà người mạnh khỏe không bao giờ lường được sức chịu đựng mình được tới đâu và không tưởng chờ đợi là bị hành hạ. Nếu họ có đi nghe nói chuyện, nghe đàn hát, thì họ chỉ thoải mái ngồi chờ nghe với niềm vui và thích thú chứ không phải chịu nhằn lực, điện lực của đối tượng, đem tâm sức và cố gắng làm hài lòng thỏa mãn thính giả. Vì vậy họ không thể cảm thông được cái mệt của người có trách nhiệm trình diễn.

Tôi nghĩ đến đó mà lo lắng không yên. Tôi nói với anh Trần rằng: Nếu chúng ta gặp một bà mạnh khỏe như bà de Vençay thì nhất định chúng ta phải bị tiếp ngồi lần nữa: Anh Trần cười ngất. Bạn biết không? Anh ấy cười vì nhớ lại các kiểu tiếp ngồi rất lịch sự và cái bộ mặt như từ câu nhàu của tôi hôm qua,

Cô thư-ký lên xe cùng đi với chúng tôi về nhà để cô gọi điện-thoại cho ông bác-sĩ L. chuyên giải-phẫu ở bệnh-viện đô-thành, người có nhã ý lãnh việc tiếp-đãi chúng tôi từ bây giờ cho đến sáng mai.

Đã hơn 2 giờ chiều rồi mà chúng tôi còn lang-bang chưa biết số phận mình trôi về đâu. Từ hôm qua đến nay, chúng tôi không ngớt lưu-động dưới trời mưa, băng giá, thức khuya, thiếu tinh-dưỡng cần-thiết, tôi mệt đuối người, lòng cứ canh cánh ước được sắp đặt đồ đạc yên nơi để nghỉ ngơi thôi.

Khi vào nhà cô thư-ký, tôi liền nói với anh Trần rằng tôi chắc chắn là « tai-nạn ngồi » sẽ tái diễn vì lẽ ông chủ nhà là bác-sĩ giải-phẫu cho bệnh-viện công-cộng, không dễ gì có thì giờ tiếp-đãi chúng tôi, và đến giờ này mà cô thư-ký còn chưa biết rõ giờ giấc ăn ở của chúng tôi, thì nhất định là chúng tôi phải ngồi chờ cô gọi điện-thoại (!) để xem ông bác-sĩ có sẵn sàng tiếp khách chưa ?

Cô mời chúng tôi vào phòng khách. Tôi dự dự không muốn vào vì giận, tôi cho cô tổ-chức cách tiếp-đãi như vậy rất thiếu sót đối với khách.

Tôi muốn đến thuê phòng nghỉ là khỏe hơn cả. Nhưng nghĩ lại cũng nề ông bác-sĩ tốt bụng kia nên tôi nhẫn-nại vào nhà. Trong phòng khách, hai cái ghế bành và một đĩa bánh bích-qui sẵn sàng trên cái bàn nhỏ chứng tỏ ước-đoán của tôi đã đúng theo dự tính của cô thư-ký ; còn phần may mắn xoay khác cuộc-diện là do ông L. đưa lại mà thôi.

Chúng tôi đành vút tất cả bực và mệt mỏi xuống chiếc ghế bành, chờ đợi. Anh Trần mặt mày buồn hiu, anh lo cho tôi chưa thật mạnh bị trận này đau lại thì hồi nhiều. Phần anh thì rất dễ, lạnh, nóng, ngồi đâu, nằm đâu anh cũng ngáy được như mấy anh ba ở Chợ Lớn.

Cô thư-ký ra ngoài gọi điện-thoại lại nhà ông L. hai lần mà lần nào trở vào cô cũng tỏ vẻ khó chịu. Tôi kể chắc trăm phần trăm chúng tôi phải ngồi đến giờ cơm chiều như ở Pont Audemer rồi. Chỉ khác cái là ở đây không lạnh ghê hồn như ở nhà bà Vençay mà ngược lại. Phòng khách nhỏ quá mà sưởi nhiều đến thở không nổi nữa. Bỏ hết đồ lạnh mà mặt mày chúng tôi đỏ gấc, phải mở cửa thì mới chịu nổi mà điều đó người Pháp lại kỵ nhất. Thành thử tôi cứ phải đi lại đóng, mở luôn.

Chúng tôi bị hành tội như vậy cho đến hơn 5 giờ chiều. Cô thư-ký cũng khó chịu về cách tiếp-đãi thiếu lịch-sự này nên chạy đi lấy một cái ghế xích-đu đem vào mời tôi nghỉ lưng, nhưng tôi từ chối. Vì ở cái xứ mà khi ngủ phải nằm lên mấy tấc nệm bông mà vẫn còn lạnh thì làm sao có thể nằm lên ghế vải bố mỏng mà chịu nổi ? Tôi nghĩ đến việc đi kiếm khách-sạn nhưng bên ngoài trời mưa như bão, cô thư-ký muốn đến nhà ông L. cũng không được nữa. Bấy giờ anh Trần mới cười gượng méo xẹo dạy qua tôi nói nhỏ nhỏ :

— Anh Hai thua cá em rồi !

Chúng tôi trả cái nợ thời vận đó cho đến 6 giờ chiều, dần không nổi nữa tôi nói với cô thư-ký tôi phải có chỗ rửa mặt, trang điểm, thay đồ, ăn cơm và nghỉ một chút trước khi trình-diễn. Nếu vì một lẽ bất tiện nào đó mà chúng tôi chưa đến nhà ông bác-sĩ L. được thì tôi xin đi thuê phòng ở khách-sạn ngay chớ tôi không bằng lòng chờ nữa. Cô thư-ký hoảng hốt ra ngoài gọi điện-thoại thật lâu rồi trở vào cho chúng tôi hay rằng ông L. sẵn sàng tiếp chúng tôi (!).

Thật là quyền-lợi, dầu nhỏ đến đâu, hễ không đòi thì chẳng ai cho phải không bạn.

MỘNG-TRUNG
(Còn tiếp 1 kỳ)

GIÓ CUỐN

14 | Thuyên về Sai-gòn lãnh công-tác. Hôm đi tôi ngạc-nhiên thấy anh mang theo nhiều hành-lý. Bao nhiêu quần áo đều mang theo, cả những bộ quần áo len. Chăn màn, bàn là điện, máy đánh chữ, pick-up, bình thermo?... cũng đem theo luôn. Ba va-li đầy và hai thùng gỗ. Tôi không muốn hỏi vì sao lại phải đem đồ-đặc theo nhiều thế. Tôi cố giữ cho sự trao-đổi chuyện trò giữa tôi và Thuyên càng ít đi. Bởi lẽ chúng tôi dường như không còn có vấn-đề nào để mà đồng-ý nhau nữa.

Thuyên đi được chừng năm hôm thì ông Ấm ở Huế vào với bà vợ hai. Tôi bất ngờ khi thấy ông bà gõ cửa. Ông vẫn ăn mặc chỉnh-chắc, khăn xếp nhiều đen và áo gấm hoa. Giày hạ láng. Cái dù đen cầm nơi tay trông như mới. Bà đi Thuyên mặt xoa một lượt phấn mỏng. Son rất đỏ ở môi. Tôi lắng xằng mừng :

— Thưa Thầy, nhà con vừa mới đi Sai-gon được mấy ngày. Có công tác gì khẩn-cấp trong đó.

Ông Ấm không tỏ vẻ ngạc-nhiên.

— Ừ, Thầy có biết.

Tôi xách va-li vào nhà, lo nước cho ông bà rửa tay rửa mặt. Tôi dẫn cháu Phúc đến chào ông bà.

— Con vòng tay lại thưa ông Nội... thưa bà Nội.

Phúc vòng tay cúi đầu làm theo điều tôi dạy. Tôi trông đợi những lời tán-thưởng vui mừng nhưng ông Ấm chỉ thờ-ơ vuốt tóc Phúc và nói mấy tiếng nhạt nhẽo :

— À, cháu ngoan.

Tôi biết biểu-lộ sự nồng-nhiệt của tôi bằng cách nào? Quả thật tôi cũng thấy rằng tôi có lỗi đối với Thuyên. Khi anh lý-luận với tôi, muốn áp-chế tôi thì tôi thấy anh hèn kém rõ ràng nhưng khi anh thôi không muốn hơn tôi nữa, khi anh mặc-nhiên công-nhận lẽ phải của tôi thì ngược lại tôi thấy hối-hận. Tôi quay lại nghĩ rằng đáng lẽ tôi nên chú ý anh hơn, tự coi nhẹ mình đi, tự quên mình đi để làm theo cái dự-án của anh. Khi có kết-quả, khi thành-công, khi chúng tôi giàu lên có xe có nhà thì đâu phải chỉ một mình Thuyên hưởng? Sao tôi không cố-gắng học cho được đức phục-tòng đặc-biệt của người phụ-nữ Á-đông mà cả thế-giới đều ca-tụng? Tôi tự trách mình, cho dầu rằng đây không phải là lần đầu tiên mà tôi lý-luận như vậy. Tôi đã cố-gắng cho rằng Thuyên có lý.

Di Thuyên lục lọi khắp mọi ngõ ngách

trong nhà, chỗ nào cũng ghé mắt dòm. Như một con chuột, như một con rắn thằn-lăn. Cái gì ở nơi bà cũng có một góc nhón: đuôi mắt xếch lên, khoé môi kéo lên, chiếc mũi nhỏ khoắm xuống, đôi vai gầy bắt đầu nhô, một cái cằm vót nhọn. Bà dòm vào tủ áo của tôi, xem xét cẩn-thận từng mặt hàng. Rồi chợt nói:

— À, cái áo xanh này màu nhu quá. Tôi cũng muốn tìm mua thứ vải màu này mà ở mấy tiệm Chà bên Đông-ba không thấy bán.

— Nếu Di thích thì để con biểu Di. Con mới may hôm Tết, mặc đâu vài kỳ.

— Thôi để chị "mược".

Tuy nói từ-chối nhưng bà vẫn ướm mặc vào người và ngắm nghía trước gương.

— Ngó cũng được chứ, chị Tham hỉ? Bóp cái kích lại một chút thì vừa. Mà nói rứa chớ để chị "mược".

Tôi biết ý, xếp cái áo lại để phần cho bà.

— Ờ, cái chị Tham này. Răng mà mua nhiều bình-thủy như ri? Bình-thủy lớn, bình-thủy nhỏ, bình-thủy trung trung, dùng răng mà dùng cho hết? Ở ngoài «dà», con chó con đi lục lăm ngã bễ cái bình thủy mà chưa kịp mua. Thầy cứ cẩn nhẩn hoài.

— Để Di lấy cái bình-thủy lớn đó.

— Ủi dào, nói rứa chớ để bữa mô đi tìm mua. Khó kiếm lắm nhưng rồi cũng phải kiếm.

Tôi lấy cái bình-thủy đặt cạnh cái áo.

Cứ theo cái đà đó, bà đi từ nhà trên xuống đến nhà bếp và lần lượt bên cạnh cái áo dài xanh và cái bình-thủy, tôi xếp thêm xà-phòng tắm, xà-phòng giặt, lọ bơ, hộp đường, bộ muỗng nĩa, mấy cái đĩa hát Nam-bình Nam-ai và hò Huế, bộ

khuôn bánh gâteau, hai chai xì dầu Lá Bờ-đề, hai chai nước mắt. Bà rầy tôi luôn miệng "cái chị Tham này khó biểu quá, răng mà cái chi chi cũng bắt tôi lấy rứa?", bà từ-chối luôn miệng. Buổi chiều cõ tiếng xe rao tuồng hát cải-lương. Bà trầm-trồ kể những ngày Kim-Chung, Thanh-Nga ra Huế trình-diễn "Thầy không bỏ sót bữa mô. Thầy ưa những tuồng-tích Trung-Hiếu Tiết-Nghĩa. Thầy ghét đặng ghét cay những bọn gian thần tặc tử". Tôi phải liệu mua hai cái giấy thượng-hạng để Thầy và Di đi thương những người «trung hiếu tiết nghĩa». Bà nghe người ta đồn của nường dưới tiệm Lạc-cảnh ở Cầu-đá, bồ-câu quay ở Dân-thiên, nem nường ở đường Trần-quý-Cáp và bà lại phải từ-chối luôn miệng.

Đến ngày thứ ba thì bắt đầu chương-trình nghị-sự. Ông Ấm bảo bà mời tôi lên "có chút việc" và ông khề-khà nhập-đề:

— Thăng Thuyền nó có gởi thơ về cho Thầy trước khi nó được dời về Sài-gòn.

Tôi cải-chính:

— Thưa Thầy, nhà con về Sài-gòn mười ngày để nhận công-tác và chỉ-thị gì đó mà. Nhà con cũng sắp về.

— Không phải. Nó được dời về Sài-gòn. Nó nhờ Thầy vô thu-xếp công chuyện với.. chị cho.. dứt khoát.

Cái gì đó? — tôi tự hỏi. Lại có biến-cổ gì nữa đó? Tôi nhìn ông Ấm. Sự im lặng của ông làm tôi sốt ruột. Tôi không muốn làm con chuột nhỏ bị đùa bỡn bởi con mèo.

— Thưa Thầy, cái gì dứt khoát ạ?

Ông không trả lời vội, cúi nhìn xuống mũi giày. Ông đưa ngón tay trở xuống lau vài vòng, vẽ thành những đường đen trên nền bụi mốc.

